

Mục đích và yêu cầu:

- Cần hiểu học thuyết các quan hệ phân phối thông qua học thuyết các lợi ích kinh tế là một nội dung của QHSX.

- Nắm được bản chất, vai trò, đặc trưng của các phạm trù lợi ích ích tế, học thuyết lợi ích kinh tế và phân phối, vận dụng chúng trong thực tiễn.

- Hiểu bản chất, nội dung, tác dụng và sự vận dụng các học thuyết phân phối cơ bản trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

- Cần nắm các học thuyết và cơ cấu thu nhập cũng như mối quan hệ thống nhất và mâu thuẫn giữa tiêu dùng và tiết kiệm (tích lũy) do thu nhập tạo ra và phương hướng giải quyết chung.

*** Kết cấu bài giảng:**

Chương 1: Lý luận cơ bản về lợi ích kinh tế (18 tiết)

Chương 2: Các hình thức phân phối thu nhập trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam (12 tiết)

Chương 3: Những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quan hệ phân phối ở Việt Nam (9 tiết)

Thảo luận nhóm (4 tiết)

Kiểm tra và ôn tập (2 tiết)

*** Kết cấu điểm:**

- Điểm quá trình: 40%

+ Điểm chuyên cần: 10%

+ Điểm kiểm tra: 30%

- Điểm thi kết thúc học phần: 60%

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LỢI ÍCH KINH TẾ

Nền kinh tế nước ta đã chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, mở cửa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết quản lý của Nhà nước.

Khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, xây dựng nền công nghiệp hoá hiện đại hoá thì vấn đề nổi lên không chỉ ở nước ta mà ở cả các nước đang phát triển là tình trạng cơ sở hạ tầng kém, thiếu kinh nghiệm, trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên chưa cao. Vì thế, cùng một lúc chúng ta phải bắt tay vào giải quyết nhiều vấn đề cấp bách thì mới đáp ứng kịp thời với yêu cầu đặt ra.

Đặc biệt vấn đề về lợi ích kinh tế là một trong những vấn đề kinh tế lớn của Nhà nước mà đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã đề ra cho giai đoạn phát triển kinh tế nước ta hiện nay.

1.1. KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT CỦA LỢI ÍCH KINH TẾ

1.1.1. KHÁI NIỆM

Ngay từ khi mới xuất hiện, con người đã tiến hành các hoạt động kinh tế, nó luôn giữ vai trò trung tâm trong mọi hoạt động xã hội và nó là cơ sở cho các hoạt động khác. Trong hoạt động kinh tế, con người luôn có động cơ nhất định, động cơ thúc đẩy con người hành động. Mức độ hành động mạnh hay yếu tùy thuộc vào mức độ chín muồi của động cơ - tùy thuộc vào nhận thức và thực hiện lợi ích của họ.

Lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập là những vấn đề rộng lớn liên quan đến các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của nhà nước và nhân dân lao động trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Vậy lợi ích là gì?

* *Theo C.Mác:*

Phạm trù lợi ích, ích lợi, có lợi được sử dụng như là cùng nghĩa và có thể thay thế nhau. Lợi ích không phải là cái gì trừu tượng và có tính chất chủ quan, mà cơ sở của lợi ích là nhu cầu khách quan của con người. Con người có nhiều loại nhu cầu (vật chất, chính trị, văn hoá), do đó có nhiều loại lợi ích (lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị, lợi ích văn hoá, tinh thần)

- Lợi ích kinh tế là một phạm trù kinh tế khách quan, nó xuất hiện trong những điều kiện tồn tại là mối quan hệ xã hội nhằm thực hiện nhu cầu kinh tế của các chủ thể kinh tế.

- Những nhu cầu kinh tế của con người khi nó được xác định về mặt xã hội thì nó trở thành cơ sở, nội dung của lợi ích kinh tế.

- Lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất, nó được quy định một cách khách quan bởi phương thức sản xuất, bởi hệ thống quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất.

* **Ph.Ăngghen** viết: "những quan hệ kinh tế của một xã hội nhất định nào đó biểu hiện trước hết dưới hình thức lợi ích".

* **V.I.Lênin** cũng cho rằng: Lợi ích của giai cấp này hay giai cấp khác được xác định một cách khách quan theo vai trò mà họ có trong hệ thống quan hệ sản xuất, theo những hoàn cảnh và điều kiện sống của họ.

- Lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện của quan hệ sản xuất.

- Lợi ích kinh tế thể hiện trong tất cả bốn khâu của quá trình tái sản xuất xã hội. Cần khẳng định rằng, ở đâu có hoạt động sản xuất - kinh doanh thì ở đó có lợi ích kinh tế và chủ thể sản xuất - kinh doanh cũng là chủ thể của lợi ích kinh tế.

→ **Khái niệm:** *Làüi êch kinh tãú lài mãüt quan hãu kinh tãú, âæãüic pháin aình trong yì thæic, thàinh âãüing cả thüic âáøy hoaüt âãüing saín xuáút kinh*

doanh nhòm thoái maïn tãút nháút nhu cáöu kinh tãú cuái caïc chuí thãø tham gia vaìo hoaùt ääüing äoĩ.

1.1.2. BẢN CHẤT

- Lãüi êch kinh tãú coi liãn quan äãün nhu cáöu kinh tãú

+ Nhu cáöu kinh tãú chênh lai nhu cáöu vãö váút cháút.

+ Con ngæài hay xaí hãüi muáun tãön taúi vai phaít triãøn thç nhu cáöu váút cháút cuái hãüi pháíi äæãuc äaip æing.

+ Mãúi quan hãü lãüi êch kinh tãú vai nhu cáöu kinh tãú:

. Lãüi êch kinh tãú bàõt nguãön tæi nhu cáöu kinh tãú vai lai caíi äãø äaip æing nhu cáöu kinh tãú.

. Nhu cáöu kinh tãú laim naíy sinh lãüi êch kinh tãú.

- Lãüi êch kinh tãú lai mãüt phaüm truì kinh tãú cuái quan hãü saín xuáút (maì træüc tiãúp lai quan hãü phán pháúi)

+ Mãüt màüt, noi pháín aính nhæing äiãöu kiãün, nhæing phæång tiãün nhòm äaip æing nhu cáöu váút cháút cuái mãúi con ngæài, mãúi chuí thãø.

+ Màüt khaiç, noi pháín aính quan hãü giæaí con ngæài vãí con ngæài trong quaí trçnh tham gia vaìo caïc hoaùt ääüing kinh tãú - xaí hãüi äãø taüo ra cuái caíi váút cháút cho mçnh (äáy chênh lai quan hãü saín xuáút).

- Lãüi êch kinh tãú pháín aính quan hãü kinh tãú càn baín nháút cuái quan hãü xaí hãüi - quan hãü saín xuáút:

+ Lãüi êch kinh tãú lai caíi thoái maïn nhu cáöu.

+ Moüi mãúi quan hãü xaí hãüi xeít äãün cùng lai quan hãü lãüi êch.

+ Trong táút caí caïc quan hãü lãüi êch thç xeít äãün cùng lãüi êch kinh tãú lai quan troüng nháút. Vç noi coi vai troì lai ääüing læüc cho moüi hoaùt ääüing cuái caíi nhán vai xaí hãüi.

+ Quan hũu saín xuáút, træãic hũút laì quan hũu saí hæû, khæng tæû ääüing dáun äãún læui êch kinh tãú maì pháii qua nháun thæic, váun duüing caïc quy luáút kinh tãú, quy luáút phi kinh tãú.

+ Lãui êch kinh tãú (quan hũu phán pháúi) pháin aính hiãúu quai cuæ cüing cuai quan hũu saín xuáút.

- *Lãui êch kinh tãú luän bao gãöm 2 pháön*: laì læui êch váút cháút vai læui êch tinh tháön, vç nhu cáöu con ngæãii coi 2 daüing: nhu cáöu váút cháút (laì loaúi nhu cáöu coi haün) vai nhu cáöu tinh tháön (laì loaúi nhu cáöu vã haün).

- *Lãui êch kinh tãú luän mang tênh læch sæi vai giai cáúp*, báii vç ááúu tranh giai cáúp xaíy ra laì nhàòm giaií quyãút sæû báút háúp lyí vã læui êch kinh tãú giæaí caïc giai cáúp.

1.2 HỆ THỐNG LỢI ÍCH KINH TẾ

1.2.1. PHÂN LOẠI

Hũu thãüing quan hũu saín xuáút cuai mãui mãüt cháú äãü xaí hæui nháút äënh seí quy äënh hũu thãüing læui êch kinh tãú cuai xaí hæui áoí.

Trong thãii kyì quai äãü læn CNXH áí næãic ta täön taüi nhiãöu quan hũu saín xuáút, do áoí hũu thãüing læui êch kinh tãú cüing mang tênh äa daüing.

Tuyì goïc äãü xem xeít maì ta coi thãø phán chia thàinh caïc nhoim, caïc loaúi læui êch kinh tãú kháic nhau sau ááy:

* Xeít áí goïc äãü kháii quaít nháút thç hũu thãüing læui êch kinh tãú bao gãöm: læui êch caí nhán, læui êch táúp thãø, læui êch xaí hæui.

Ba loaúi læui êch naíy coi mãui quan hũu chàút cheí vãii nhau, væai thãüing nháút væia máu thuáun vãii nhau äãüc biãút trong äiãöu kiãün thãii kyì quai äãü.

- *Mãüt thãüing nháút biãöu hiãün áí chàu*:

+ Ba loaùi lãui êch naìy cùng âãong thãìi tãõn taui trong mãüt hãu thãung kinh tãu cuai xaì hãui, trong àoì lãui êch cai nhán lai cả sãì ããø thæüc hiãu lãui êch táúp thãø vai lãui êch xaì hãui. Æãong thãìi, lãui êch táúp thãø vai lãui êch xaì hãui laui taõo ãiãõu kiãun thæüc hiãun tãüt hãn lãui êch cai nhán.

Vê duu: Khi Nhai næãic thu æããuc æuõng vai æui thuãu, tæic lãui êch cuai Nhai næãic, cuai xaì hãui æããuc æaim baio, tæi àoì coi ãiãõu kiãun æãõu tæ xáy dæung nhæing cả sãì haù táõng kinh tãu nhæ æããng saì, cáõu cáung, hãu thãung thuyí lãui... nhòm taõo ãiãõu kiãun æãø caic hoaùt æãung saín xuáüt - kinh doanh cuõng æãìi sãung tæing cai nhán, æãn vè æããuc náng cao hãn, coi nghĩaì lai lãui êch cai nhán æããuc thæüc hiãun tãüt hãn.

+ Æãø khai thaic tãui æa æãung læuc cuai lãui êch cai nhán trong nãõn kinh tãu thè træãng æenh hæãing XHCN thç khãng thãø xem nhuê lãui êch táúp thãø vai lãui êch xaì hãui.

+ Xem xeit mãüt caich cãn baín láu dai thç lãui êch xaì hãui lai æaim baio væing chàõc cho sæu phaít triãõn æuõng hæãing cuai caic lãui êch khaiç.

+ Lãui êch xaì hãui lai cả sãì ããø æaim baio cãng bàõng thæüc sæu, lai cả sãì kinh tãu æãø giaìi phoõng aip bæic, báüt cãng æãui vãì moüi thàinh viãn trong nãõn kinh tãu thè træãng æenh hæãing XHCN.

- *Mãüt máu thuãun* giaë 3 lãui êch kinh tãu naìy biãõu hiãun áì sæu taich biãüt nháüt æenh giaëi chuõng:

+ Mãui chui thãø thæãng coi xu hæãing chè theo æuãõì lãui êch cai nhán, laim cho lãui êch cai nhán nhiãõu khi æi ngæãuc laui vãì lãui êch táúp thãø vai lãui êch xaì hãui.

+ Nhai næãic cuõng coi thãø quaì coi troõng lãui êch kinh tãu cuai mçnh laim æi ngæãuc laui lãui êch cai nhán.

Vê duû: Trong træàng hâup Nhai næác quy âênh mæic thuáu quai cao laim aính hæáng âãún lâui êch cai nhán.

- Trong 3 loaui lâui êch naỳ thç lâui êch cai nhán lai âäüing læuc træuc tiãúp, maûnh meì nhát thüc âáoy caic chuí thãø tham gia 1 caich têch cæuc vaio caic hoaût âäüing kinh tãú - xaì häui vai náng cao hiãuu quai kinh tãú cuai chuïng. Bãii vç:

- *Thæi nhát:*

+ Noì lai lâui êch thiãút thæuc nhát, gãôn liãon vãi tæing cai nhán, tæing chuí thãø.

+ Noì træuc tiãúp âaip æing nhu cáou váut cháút cuai tæing cai nhán.

+ Lãui êch cai nhán âæãuc baío âaím thç kêch thêch tæing cai nhán, tæing chuí thãø phaít huy saïng kiãún, caii tiãún kyì thuãút, náng cao nàng suãút, cháút læãüing vai hiãuu quai kinh tãú.

+ Noì lai “cháút kãút dênh” ngæãii lao âäüing vãi quai trçnh saín xuãút kinh doanh, lai mãüt thæi “dáou nhãit” âãuc biãút âãø bãi trãn guãong mãy kinh tãú.

Chênh nhæing âiãöu trãn laim cho ta coi thãø lyì giaíi âæãuc caic váún âãö:

. Lãui êch cai nhán lai “huyãút” mai sæu taic âäüing vaio aoì seì gáy nãn phaín æing nhanh nhaùy nhát cuai caic chuí thãø tham gia vaio hoaût âäüing kinh tãú - xaì häui.

. Lyì giaíi âæãuc vç sao cả chãú thë træàng âaì taüo ra âäüing læuc maûnh meì thüc âáoy saín xuãút phaít triãon, âäöng thãii cuïng lyì giaíi âæãuc vç sao cả chãú thë træàng coi cõ nhiãöu màüt traìi.

- *Thæi hai*, lăui êch cāi nhán taũo âiãöu kiãun ãõ thæuc hiãun vai nág cao lăui êch vãn hoai, tinh thãon cuai tæing cāi nhán.

+ Lăui êch cāi nhán âæãuc âaim baío, caic chuí thãø seı tham gia 1 caıch tæch cæuc vai nág cao hiãuu quai saın xuát kinh doanh.

+ Coı âiãöu kiãun ãõ nág cao âai saıng vãn hoıa tinh thãon cuai męnh.

- *Thæi ba*, lăui êch cāi nhán lai cã saı thæuc hiãun lăui êch táup thãø vai lăui êch xaı häui

+ Dán coı giaiũ thç næãic mãi maınh

+ Lăui êch cāi nhán âæãuc âaim baío thç ngæãii dán hàng say, tæch cæuc saın xuát ãõ thæuc hiãun nghĩaı vuũ cuai męnh vãı Nhai næãic, vãı táup thãø (näup thuãı, phê, lău phê...), luıc aoı lăui êch Nhai næãic, táup thãø vai xaı häui mãi âæãuc âaim baío.

Do aoı, ãõ kęch thęch tęnh tęch cæuc cuai ngæãii lao äãung, phaıt huy táui äa vai troi nhán tãu con ngæãii thç váun ãõ máuu chãıt, cãn baın nhãıt lai phaı taıc äãung vaio lăui êch cuai mãui cāi nhán.

Tuy nghĩa, nhãun maınh vai troi lăui êch cāi nhán khãng coı nghĩaı lai khuyãun kęch thæuc hiãun lăui êch cāi nhán bàong moıi caıch, mai Nhai næãic phaı coı nhãing chęnh saıch, biãun phaıp nhãom khuyãun kęch viãuc thæuc hiãun lăui êch cāi nhán bàong con äæãing chęnh äãing.

* Dæãii goıc äãu caic thãnh pháon kinh tãu, coı lăui êch kinh tãu tæang æing vãı caic thãnh pháon kinh tãu aoı.

* Dæãii goıc äãu caic kãu cuai quai tręnh taiı saın xuát xaı häui, coı lăui êch kinh tãu cuai ngæãii saın xuát, ngæãii phán phãui, ngæãii trao äãoi, ngæãii tiãu duıng.

* Lăui êch trung æang - äæa phæang

* Lãi ãch trong nããic - nããic ngoãii.

1.2.2. CÁC LOẠI LỢI ÍCH KINH TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1.2.2.1. Lợi ích kinh tế của xã hội

Là loại lợi ích kinh tế chung của toàn thể các thành viên xã hội, hướng tới các nhu cầu về cải thiện và nâng cao mức sống, về an toàn – trật tự xã hội và an ninh Tổ quốc.

Đây là loại lợi ích giữ vai trò chủ đạo, mà Nhà nước là người đại diện.

Lợi ích kinh tế của xã hội và lợi ích của Nhà nước luôn thống nhất với nhau nhưng vẫn có sự khác biệt. Lợi ích kinh tế của Nhà nước được thực hiện thông qua công cụ tài chính chủ yếu là thuế, chi ngân sách và các công cụ khác để tăng cường và sử dụng vốn tài sản của Nhà nước một cách có hiệu quả.

Lợi ích kinh tế của xã hội còn đòi hỏi phải đảm bảo các yêu cầu là làm sao sử dụng một cách tốt nhất các nguồn lực kinh tế của quốc gia, làm sao phát triển nền kinh tế quốc dân một cách nhịp nhàng, hài hòa và nâng cao mức sống trong xã hội.

Quan tâm đến lợi ích kinh tế của xã hội không có nghĩa là coi nhẹ các lợi ích kinh tế khác, mà chính việc đảm bảo các lợi ích kinh tế khác, việc kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế sẽ tạo điều kiện đáp ứng lợi ích kinh tế của xã hội. Đây là cơ sở của các chính sách kinh tế - xã hội.

1.2.2.2. Lợi ích kinh tế trong một doanh nghiệp

* Trong một doanh nghiệp Nhà nước, các lợi ích kinh tế bao gồm:

- Lợi ích của doanh nghiệp (lợi ích tập thể) được thể hiện thông qua các hình thức kinh tế cụ thể như: lợi nhuận để lại cho doanh nghiệp để hình thành các quỹ của doanh nghiệp và ngoài ra còn là sự đảm bảo quyền độc lập tự chủ trong sản xuất kinh doanh.

- Lợi ích của Nhà nước: thể hiện ở thuế, ở lợi nhuận trích nộp, ở việc bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước... ngoài ra Nhà nước còn đòi hỏi doanh nghiệp Nhà nước phải làm tốt vai trò chủ đạo của mình.

- Lợi ích của cá nhân người lao động được đảm bảo thông qua các hình thức tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và còn qua điều kiện làm việc, khả năng học tập nâng cao tay nghề và trình độ văn hóa, được tham gia ý kiến, có quyền quyết định về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, có quyền giám sát, kiểm tra do luật pháp quy định. Chế độ công hữu về TLSX đảm bảo quyền làm chủ thực tế của người lao động.

** Trong một doanh nghiệp tư nhân, các lợi ích kinh tế gồm có:*

- Lợi ích của nhà đầu tư biểu hiện ra là phần lợi nhuận ròng chủ đầu tư được hưởng sau khi nộp thuế và trang trải các chi phí và ngoài ra còn thể hiện ở việc được khuyến khích, trân trọng, ưu đãi, được tạo điều kiện...

- Lợi ích của người lao động được thể hiện qua tiền công, tiền thưởng, phúc lợi và ngoài ra còn được đối xử tôn trọng, được thăng tiến...

- Lợi ích nhà nước được thể hiện qua thuế phải nộp, ngoài ra Nhà nước còn đòi hỏi doanh nghiệp phải chấp hành sự quản lý, quy hoạch chung.

- Lợi ích của doanh nghiệp được thể hiện qua việc hình thành các quỹ, ngoài ra còn là việc được Nhà nước giúp đỡ, được đảm bảo điều kiện về môi trường kinh doanh...

Đối với các doanh nghiệp nói chung, thì còn phải quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng, của các doanh nghiệp khác, của ngân hàng...

Nếu không quan tâm giải quyết thỏa đáng các lợi ích trong một doanh nghiệp thì những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế sẽ có thể dẫn đến sự đối kháng gay

gắt làm triệt tiêu động lực, thậm chí làm tan rã doanh nghiệp và khiến cho xã hội trở nên bất ổn.

1.2.2.3. Lợi ích kinh tế của cá nhân

Mỗi cá nhân trong xã hội luôn đòi hỏi những lợi ích kinh tế khác nhau từ các mối quan hệ kinh tế khác có được. Với tư cách là một thành viên trong xã hội, họ đòi hỏi sự đối xử bình đẳng, có đầy đủ quyền tự do theo luật định, được hưởng trợ cấp xã hội nếu có... Trong các mối quan hệ khác, họ còn có thể đòi hỏi các loại thu nhập: tiền lương, cổ tức, lợi nhuận, tiền bảo hiểm... Lợi ích kinh tế của cá nhân phản ánh các nhu cầu về việc làm, thu nhập, về điều kiện lao động và điều kiện sinh sống.

Lợi ích kinh tế cá nhân đóng vai trò động lực trực tiếp và quan trọng nhất đối với việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người lao động. Trong điều kiện xây dựng kinh tế, việc quan tâm đến lợi ích cá nhân sẽ tạo ra một động lực phát triển xã hội mạnh mẽ. Chúng ta tôn trọng lợi ích cá nhân, nhưng không cho phép vì lợi ích cá nhân mà làm tổn hại đến các lợi ích khác to lớn hơn.

Trong tác phẩm: “Đạo đức các mạng” (1958), Chủ tịch HCM viết: Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét lợi ích cá nhân và đảm bảo cho nó được thỏa mãn bằng chế độ XHCN.

1.2.2.4. Lợi ích kinh tế của bên nước ngoài

- Lợi ích kinh tế của các nhà đầu tư nước ngoài, của các công ty đa quốc gia: lợi nhuận ròng thu được, chuyển lợi nhuận về nước, ngoài ra còn được khuyến khích tái đầu tư, được đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh...

- Lợi ích của các quốc gia: hợp tác trao đổi thương mại, đầu tư, hợp tác tín dụng với các quốc gia cần đảm bảo sự ổn định và phát triển kinh tế, đảm bảo lợi ích cho các doanh nghiệp trong nước.

- Lợi ích của các tổ chức tài chính quốc tế: IMF và WB là hai cơ quan được hình thành bởi thỏa ước Bretton Woods (1944) để cân bằng nền kinh tế thế giới, bảo đảm lợi ích kinh tế giữa các nước, nhưng sự độc lập tự chủ, lợi ích của mỗi quốc gia lại có thể không được đảm bảo.

1.3. VAI TRÒ CỦA LỢI ÍCH KINH TẾ

* *Thứ nhất*, lãi suất kinh tế giữ vai trò ảnh hưởng kinh tế vĩ mô và hoạt động kinh tế - xã hội.

+ Thu nhập của các chủ thể kinh tế và mọi người về lãi suất kinh tế mà quan tâm ảnh hưởng qua lãi suất - kinh doanh.

+ Các hoạt động kinh tế - xã hội, lãi suất - kinh doanh của các chủ thể kinh tế và mọi người ảnh hưởng đến các khía cạnh kinh tế.

* *Thứ hai*, lãi suất kinh tế giữ vai trò quyết định ảnh hưởng, chi phối các lãi suất khác:

+ Nội dung liên quan với nhu cầu và chi phí, nhằm ảnh hưởng nhu cầu và chi phí. Mà nhu cầu và chi phí lại phụ thuộc vào các yếu tố, cả bên ngoài chi phí và nội dung và chi phí của con người, của xã hội.

+ Khi lãi suất kinh tế ảnh hưởng đến thị trường cả sản phẩm, tiền và lãi suất ảnh hưởng đến các lãi suất khác.

+ Ảnh hưởng và chi phí của xã hội ảnh hưởng đến thị trường và ảnh hưởng đến các khía cạnh khác.

* *Thứ ba*, lãi suất kinh tế lại ảnh hưởng đến thị trường và chi phí và chi phí hay phụ thuộc vào các khía cạnh kinh tế.

+ Lãuì êch kinh tãu cuái táút cái caïc chuí thãø liãn quan âæãüc âaim baío, thãúng nháút vãi nhau thç quan hãu kinh tãu mãi tãon taúi vai phaít triãøn. Ngæãüc laúi, quan hãu kinh tãu seĩ bẽ phaĩ vãi.

* *Chuí yĩ*: Mãuc dui lãuì êch kinh tãu coi vai troi nhæ váút nhæng khãng coi yĩ nghĩaĩ lai chũng ta haũ tháúp vai troi cuái lãuì êch chênh trẽ, tæ tæáing, vàn hoaĩ - xaĩ hãuì. Phaĩ biãút chuí troüng tæing loaúi lãuì êch tuyi thuãüc vaio tæing âiãõu kiãun cuũ thãø (thãii chiãún hay thãii bçnh, giao læu, hãuì nhãúp...)

1.4. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP VỀ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

* *Bảo đảm thực hiện nguyên tắc các bên cùng có lợi trong quan hệ kinh tế*
Nguyên tắc này xuất phát từ việc nhận thức vai trò của lợi ích kinh tế. Đây chính là cơ sở của các chính sách kinh tế.

Năm 1959, trong dự thảo hiến pháp, Chủ tịch HCM đã nói: Trong chế độ ta, lợi ích của Nhà nước, của tập thể và lợi ích cá nhân căn bản là nhất trí.

* *Quan tâm chú ý đến lợi ích lâu dài, lợi ích của số đông*

Vì lợi ích lâu dài, cần đặt nó lên trên lợi ích trước mắt để tạo thế ổn định cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế:

- Nhà nước cần nuôi dưỡng sức dân, chớ vội thu thuế và lúc khó khăn hay lúc mới đầu tư.

- Mở cửa nền kinh tế chúng ta phải hy sinh một số lợi ích trước mắt.

Nhà nước phải đặt lợi ích của số đông lên trên lợi ích thiểu số, để tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn cho nền kinh tế.

Nhà nước cần nâng mức thụ hưởng của nông dân tương xứng với mức đóng góp của họ bằng cách trợ giúp giảm chi phí sản xuất, tìm kiếm thị trường, ổn định giá cả đầu vào và đầu ra.

** Mở rộng sự phân công và hợp tác trên mọi lĩnh vực, cũng như giữa các chủ thể trong nền kinh tế*

Giải pháp này xuất phát từ sự đổi mới nhận thức về lợi ích kinh tế của xã hội. Chỉ có tiến hành tốt sự phân công và hợp tác thì QHSX mới được hình thành, mới nảy sinh vấn đề lợi ích kinh tế và đòi hỏi sự điều hòa các lợi ích kinh tế với nhau.

Đảng ta đã chỉ rõ: Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân. Trong đó, lợi ích thiết thân, đồng thời là động lực thúc đẩy trực tiếp đối với người lao động là việc làm và thu nhập.

1.5. LỢI ÍCH KINH TẾ VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Sự say mê làm giàu hiện nay của xã hội ta thực chất là sự say mê các lợi ích kinh tế - lợi ích vật chất. Thế nhưng đời sống con người không phải chỉ có kinh tế, vật chất. Vào những thời điểm nhất định của tiến trình phát triển của xã hội, có thể phương diện này hay phương diện kia của đời sống xã hội được ưu tiên, được tập trung nhiều hơn. Thế nhưng, điều ấy không có nghĩa là hạ thấp hay bỏ qua các mặt các phương diện khác.

Trong thời gian vừa qua, do bị cuốn hút vào thực hiện các nhu cầu tồn tại tối thiểu - nhu cầu vật chất - mà ta ít có điều kiện quan tâm nhiều đến các phương diện, các khía cạnh khác của cuộc sống xã hội. Điều đó trong chừng mực

nhất định đã dẫn đến việc làm nảy sinh một số vấn đề về văn hoá xã hội khác khá bức xúc.

Vì vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, để phát triển cộng đồng một cách toàn diện và bền vững cần sớm tạo lập một cơ chế kết hợp hài hoà một số quan hệ sau:

1.5.1. Quan hệ giữa lợi ích kinh tế và lợi ích văn hoá - xã hội

- Đây là một quan hệ cơ bản, bao trùm và chi phối hầu như toàn bộ đời sống xã hội. Thế nhưng nó không hề trừu tượng mà hết sức cụ thể trong cộng đồng. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các quan hệ kinh tế thời gian qua cũng gây nên sự thay đổi hết sức căn bản các vấn đề văn hoá- xã hội. Có thể nói, sự chuyển đổi trong lĩnh vực văn hoá - xã hội chủ yếu mang tính tự phát và có rất nhiều biểu hiện lúng túng.

+ Trước đây, những hoạt động văn hoá - xã hội cộng đồng vừa được nhà nước bao cấp vừa được các hợp tác xã hay các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ về kinh phí.

+ Hiện nay, các nguồn kinh phí bao cấp chính không còn nữa. Do vậy, các hoạt động mang tính cộng đồng này hầu như bị bỏ rơi. Ở nhiều nơi, nhiều lúc các hoạt động văn hoá tinh thần của cộng đồng cờ sớ hoặc bị lôi cuốn theo hướng này, hướng khác, hoặc bị xuống cấp, tan rã, mất phương hướng, rối loạn.

→ Như vậy, trong điều kiện chuyển đổi cơ chế hiện nay, lợi ích kinh tế của cá nhân và xã hội ngày càng được thực hiện, nhưng các lợi ích văn hoá - xã hội hướng vào sự phát triển cộng đồng và nhân tính hầu như không được quan tâm một cách đúng mức.

Hiện đang có sự vận động ngược hướng nhau giữa kinh tế và văn hoá - tinh thần trong cộng đồng xã hội. Nhiều cộng đồng cơ sở càng hoà nhập vào đời sống kinh tế thị trường thì càng trở nên phức tạp hơn.

- Vấn đề đặt ra là làm thế nào để tạo lập được một cơ chế linh hoạt?

+ Có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế đồng thời thúc đẩy sự phát triển phong phú và đa dạng các lĩnh vực văn hoá - xã hội. Nghĩa là, tạo lập được một sự phát triển đồng hành tổng thể của một cộng đồng xã hội.

+ Đó là một cơ chế được thiết lập và chế định thống nhất từ trung ương đến địa phương, được quản lý, điều tiết và tài trợ, tài chính theo các cấp chính quyền của nhà nước. Dĩ nhiên, đây là một cơ chế mở để có thể thu hút và huy động được các nguồn tài chính và tài trợ trong nhân dân. Chỉ có như thế mới tạo cho xã hội phát triển một cách thực sự bền vững.

1.5.2. Lợi ích kinh tế và các vấn đề chính sách xã hội

- Trong giai đoạn kinh tế thị trường mở cửa hiện nay, sự đề cao lợi ích kinh tế của các chủ thể hoạt động bị quy định bởi tính tất yếu khách quan chứ không phải do ý muốn chủ quan của bất cứ cá nhân nào.

+ Đó là sự tuân thủ các quy luật khách quan đang chi phối đời sống kinh tế xã hội đất nước

+ Các quy luật khách quan khi xuất hiện và hoạt động thường bị chi phối bởi các ý muốn chủ quan của các chủ thể mà thường mang tính "tự nó".

→ Do vậy, nó không tính đến khía cạnh tình cảm và nhân văn của con người, cũng không tính đến các duyên nợ quá khứ của các chủ thể hoạt động. Vì lẽ đó, trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về

kinh tế, nhiều vấn đề thuộc về chính sách xã hội đang được đặt ra hết sức cấp bách.

- Trên cơ sở những thành quả hết sức đáng khích lệ do nền kinh tế thị trường mang lại, ta cần sớm tập trung và giải quyết những vấn đề thuộc về chính sách xã hội, có thể khẳng định đây là những vấn đề luôn đặt ra trong mọi xã hội, nhưng riêng với nước ta có những nét rất đặc biệt.

+ *Thứ nhất*, xã hội ta vừa trải qua hai cuộc kháng chiến, sự mất mát với một bộ phận dân cư là vô cùng lớn, không gì bù đắp nổi, chúng ta phải có những chính sách hậu chiến như thế nào để tương ứng với công trạng và những hy sinh của họ. Đây là những khía cạnh hết sức nhạy cảm và nó càng nhạy cảm hơn, do sự phân hoá giàu nghèo ngày càng diễn ra mạnh mẽ trong xã hội ngày nay. Giải quyết đúng đắn vấn đề này là những hành động thực tiễn khẳng định lí tưởng cao đẹp của Đảng và nhà nước ta.

+ *Thứ hai*, xã hội ta mấy chục năm qua đã thực hiện cơ chế quản lý mang tính bao cấp. Bên cạnh những hạn chế mà không ai có thể bào chữa cũng có những ưu điểm của nó không ai có thể phủ định được. Một trong những ưu điểm thể hiện tính ưu việt của xã hội chủ nghĩa của chúng ta đó là vấn đề thuộc chính sách xã hội, đặc biệt là khía cạnh phúc lợi xã hội và đảm bảo xã hội.

- Hiện nay chế độ bao cấp bình quân không còn nữa, sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội ngày càng mạnh mẽ thì khả năng và cơ hội của người dân thì ngày càng cách biệt nhau. Sự bất bình đẳng về kinh tế sẽ dẫn đến bất bình đẳng về xã hội. Thói quen, nếp nghĩ và lối sống của thời bao cấp khi va đập vào cơ chế thị trường đã tạo nên những "cú sốc" khá nặng nề về tâm lý đối với không ít người.

- Nếu kinh tế không phát triển, nếu dân không giàu, nước không mạnh thì không thể thực hiện được những vấn đề chính sách xã hội ở một mức độ nào đó. Sự tăng trưởng kinh của đất nước trong giai đoạn vừa qua đã bước đầu tạo ra một cơ sở nhất định để thúc đẩy việc thực hiện các vấn đề thuộc về chính sách xã hội như phúc lợi xã hội, bảo hiểm xã hội và bảo trợ xã hội.

- Mặc dù xã hội nào cũng có những chính sách xã hội, nhưng do trong điều kiện đặc biệt của xã hội ta mà chúng ta cần hết sức quan tâm giải quyết. Đây là những vấn đề lớn của đời sống kinh tế xã hội và chính nó cho thấy tính ưu việt của một chế độ xã hội. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề này một cách đúng đắn kịp thời sẽ đóng góp , khẳng định sự định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển của xã hội ta giai đoạn hiện nay.

1.5.3. Lợi ích kinh tế và vấn đề môi trường sống

Trong nhiều năm qua chúng ta rất ít quan tâm đến vấn đề môi trường sống- cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Vì vấn đề này trong suốt gần nửa thế kỷ qua có thể nói chưa khi nào đặt ra một cách gay gắt, đòi hỏi xã hội phải đầu tư giải quyết như hiện nay.

- Việc quản lý và điều khiển cộng đồng theo mô hình hành chính thống nhất trước đây đã tạo ra một môi trường xã hội thực sự ổn định và thuần nhất. Những chuẩn mực xã hội, những giá trị đạo đức, những đặc trưng cơ bản của con người mới được đề cao tạo nên những khuôn đúc sẵn có về thể hệ con người.

+ Môi trường xã hội ngày đó thực sự trong sạch và lành mạnh. Những tệ nạn xã hội như tình trạng phạm pháp, mại dâm, nghiện hút, cờ bạc, buôn lậu...gần như bị loại bỏ ở đời sống xã hội trong nhiều chục năm.

+ Môi trường tự nhiên cũng thế.

. Trước đây dân cư còn thừa thớt nhu cầu con người còn đơn giản và được quản lý tập trung thống nhất.

. Hơn nữa, chúng ta lại được điều kiện tự nhiên ưu đãi.

. Đồng thời cả xã hội ta còn đang dồn sức vào sự nghiệp thống nhất đất nước ở một chừng mực nhất định.

→ Có thể nói trong hàng chục năm chúng ta không phải bận tâm đến nạn phá rừng, ô nhiễm môi trường hay chất thải công nghiệp....

- Nhưng trong khoảng hơn mười năm trở lại đây nhất là mấy năm qua, vấn đề môi trường sinh sống của xã hội ta nổi lên hết sức gay gắt .

1.5.3.1. Môi trường xã hội

* Thực hiện kinh tế thị trường và dân chủ hoá đời sống xã hội đã làm thay đổi căn bản diện mạo của xã hội ta.

- Nền kinh tế có sự tăng trưởng,

- Mức sống của con người nâng cao. Do đó, đã có sự thay đổi các chuẩn mực xã hội và lối sống.

- Sự xuất hiện tràn lan những tệ nạn xã hội có nguy cơ không kiểm soát nổi.

+ Những băng nhóm tội phạm có tổ chức và vũ khí đe dọa tài sản, tính mạng của người dân.

+ Nạn mại dâm và ma tuý phát triển tràn lan tàn phá những tế bào cuối cùng của xã hội và thách thức giống nòi trước nạn dịch thế kỷ.

+ Nạn buôn lậu, lừa đảo và tham nhũng...những tệ nạn xã hội này dường như đã gặp được môi trường thuận lợi để sinh sôi nảy nở.

* Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội này xét đến cùng thì nguyên nhân kinh tế đóng vai trò cơ bản.

- Những lợi ích kinh tế của cá nhân mình mà những đối tượng này bắt chấp tất cả mà không trừ một thủ đoạn nào kể cả giết người.

- Sự phát triển cực đoan của lối sống cá nhân, lối sống tiêu dùng, sự say mê đời sống vật chất một cách bệnh hoạn đã làm cho không ít người mất nhân tính.

Đó thực sự là một nguy cơ đe dọa sự phát triển lành mạnh và ổn định xã hội trong điều kiện hiện nay.

1.5.3.2. Môi trường tự nhiên

- Không phải chỉ có vấn đề môi trường xã hội đang đứng trước nguy cơ và thách thức nan giải mà môi trường tự nhiên cũng đang đặt ra những vấn đề vô cùng nghiêm trọng. Cùng với sự tàn phá môi trường tự nhiên, sự cân bằng sinh thái mang tính tổng thể quốc gia, quá trình huỷ hoại, quá trình sinh thái cũng đang phổ biến ở tầm vi mô. Chính việc sử dụng một cách vô tội vạ, kém hiểu biết phân hoá học và thuốc trừ sâu với nồng độ cao mà môi trường sống nông thôn bị ô nhiễm nặng nề, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ và tính mạng của mọi người.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng đối với các đô thị lớn của chúng ta trong giai đoạn hiện nay.

+ Hầu như các thành phố đều quá tải, mật độ dân cư quá lớn mà các hạ tầng cơ sở lại thấp kém.

+ Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng không tuân thủ quy hoạch tổng thể đã phá vỡ môi trường sinh thái và môi trường thẩm mỹ.

+ Các chất thải đô thị và chất thải công nghiệp không được xử lý đã đặc biệt làm ô nhiễm không khí và nguồn nước sinh hoạt... Tất cả những vấn đề gay gắt này đang thách thức sự phát triển các đô thị chúng ta.

Như thế, trong giai đoạn hiện nay những vấn đề môi trường sinh sống của con người - cả tự nhiên và xã hội - đang đặt ra hết sức gay gắt đối với sự phát triển của xã hội ta. Kinh tế sẽ không thể tăng trưởng với tốc độ cao, xã hội sẽ không phát triển nếu các tệ nạn xã hội làm cho các đời sống xã hội trở nên rối loạn, bất ổn, không kiểm soát nổi, nếu môi trường tự nhiên bị ô nhiễm và sự cân bằng sinh thái ở tầm vi mô và vĩ mô bị phá vỡ.

- Vấn đề môi trường sinh sống có tác động tới sinh mệnh của từng con người cụ thể, từng gia đình cụ thể. Thế nhưng để giải quyết được vấn đề này đòi hỏi vấn đề phải được chú ý ở tầm vĩ mô. Bởi lẽ, mỗi con người chỉ quan tâm đến lợi ích thiết thân của mình. Trong giai đoạn hiện nay, do thúc ép của đời sống thường nhật mà họ chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất trước mắt của bản thân và gia đình. ở đây không thể quy kết đó là sự ích kỷ hay thiên tính của con người mà nên xem là một sự quy luật, một tất yếu kinh tế của cả giai đoạn lịch sử hiện tại buộc các cá nhân phải suy nghĩ và hành động như vậy. Rõ ràng, trong giai đoạn hiện nay, vấn đề môi trường sống gắn bó hết sức chặt chẽ với khía cạnh lợi ích kinh tế. Trong khi đó, lợi ích kinh tế đang là mối quan tâm hàng đầu của từng cá nhân riêng lẻ cũng như của cả xã hội nước ta. Bài toán đặt ra là, làm thế nào để vừa đạt được những lợi ích kinh tế, lại vừa bảo đảm được môi trường sinh sống trong sạch và lành mạnh.

Hẳn là bài toán trước hết phải được giải quyết ở tầm vĩ mô. Và, dĩ nhiên, không phải chỉ quy giản ở vấn đề lợi ích kinh tế của cá nhân và các nhóm người, mà cần đặt nó trong các quan hệ rộng lớn hơn. Đó là không chỉ dừng lại ở tầm chiến lược phát triển kinh tế chiến lược xã hội mà hơn thế cần phải có những cơ chế thực thi và kiểm soát thực hiện cụ thể các chiến lược đó như thế nào. Dĩ nhiên, cơ chế đó cần thể hiện một cách trung thành, nhất quán tính thống nhất và

đồng bộ của chiến lược, sao cho sự triển khai chiến lược và đường lối tạo lập được sự phát triển hài hoà giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài.

Tóm lại, trong quá trình tăng tốc sự phát triển hiện nay một vấn đề mang tính nguyên tắc là phải quản lý một cách sát sao và không ngừng điều tiết để tạo lập được các mối quan hệ thống nhất và hài hoà giữa cá nhân và xã hội, giữa con người và tự nhiên.

Có tạo lập được sự hài hoà và thống nhất hai mối quan hệ nêu trên, chúng ta mới thực sự đưa đất nước vào quỹ đạo phát triển toàn diện và bền vững. Có như thế chúng ta mới từng bước thực hiện được lý tưởng tốt đẹp của Đảng và nhân dân ta, đó là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

** Yĩ nghéa cuái viãüc nghiãñ cæiũ lãüi êch kinh tãü ái Viãüt Nam hiãün nay:*

- Ấê vãi doanh nghiãñ vai tæing ãñ vë kinh tãü: thç phãii kãüt hãüp cái 3 lãüi êch, trong ãoi:

+ Ấã cao lãüi êch cái nhán, áy lai ãüing læüc træüc tiãüp

+ Quan tám ãñ lãüi êch táüp thãø vai xai hãüi ãñ ãám báio kãüt hãüp haii hoai giæai lãüi êch cái nhán vai lãüi êch táüp thãø, lãüi êch xai hãüi.

+ Khi cái lãüi êch ãæãüc ãám báio, kãüt hãüp haii hoai thç seí taüo ãüing læüc thüic ááy hoaüt ãüing sãín xuáüt kinh doanh, hoaüt ãüing cuái doanh nghiãñ, táüp thãø phãit triãøn ngayi mãüt væing chàõc vai mãñh hãñ ããõng thãii ãñi sãüng cuái ngæãli lao ãüing cüing ãæãüc cái thiãün hãñ cái vão vãüt cháüt lãün tinh thãõn.

- Ấúi vãi cãc thảnh phãön kinh tãu:

+ Phái coi tröng lãui êch kinh tãu cuái tæing thảnh phãön kinh tãu, vç nõi væia máu thuàùn væia thãúng nhát vãi nhau.

+ Bãn cãnh ãoĩ phái coi sæu kãút hãüp haii hoai lãui êch kinh tãu cuái cãc thảnh phãön kinh tãu.

- Ngaiy nay, trong xu thãu toain cáou hoai, næãic ta khãng thãø nãòm ngoaii quy luãt nãiy, chũing ta ngaiy cãing tæch cæuc tham gia vaiò phãn cãng lao ããung quãuc tãu, hãui nhãp kinh tãu thãu giãii... Vç váuy chũing ta phái kãút hãüp haii hoai giãia lãui êch dán tãuc vai lãui êch quãuc tãu sao cho væia ãaim baío ãæãuc lãui êch cho mçnh væia ãaip æing ãæãuc lãui êch quãuc tãu mãit cãich tæång xæing.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày khái niệm và bản chất của lợi ích kinh tế.
2. Phân tích vai trò của lợi ích kinh tế. Giải pháp vận dụng vai trò lợi ích kinh tế ở nước ta hiện nay.
3. Phân tích các loại lợi ích kinh tế ở nước ta hiện nay.

Câu hỏi thảo luận

1. Làm thế nào để thực hiện được phúc lợi xã hội chung nhằm tạo ra các cơ hội bình đẳng cho mọi người dân trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam?

2. Làm thế nào để hạn chế và ngăn chặn xu hướng phát triển chủ nghĩa cá nhân cực đoan và phát huy được tinh thần tập thể, cộng đồng sẵn có trong truyền thống văn hoá, dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

CHƯƠNG II

PHÂN PHỐI THU NHẬP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

Trong nền kinh tế thị trường phân phối thu nhập giữ một vai trò hết sức quan trọng. Nó là một khâu không thể thiếu được của quá trình tái sản xuất. Phân phối thu nhập nối liền sản xuất với sản xuất, sản xuất với tiêu dùng, nối liền thị trường hàng hoá tiêu dùng và dịch vụ với thị trường các yếu tố sản xuất làm cho sự vận động của cơ chế thị trường diễn ra thông suốt.

Một xã hội muốn ổn định và phát triển thì cần đảm bảo được những lợi ích của cá nhân trong xã hội, trong đó phân phối đảm nhận vai trò phân chia lợi ích

cho từng cá nhân. Giải quyết vấn đề phân phối thu nhập có ý nghĩa to lớn đối với sự ổn định, tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta, do nền kinh tế có nhiều thành phần kinh tế vận động trong cơ chế thị trường nên cũng có nhiều lợi ích kinh tế khác nhau và tất yếu cũng xuất hiện mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế. Việc phát hiện và giải quyết các quan hệ về lợi ích kinh tế được thực hiện qua phân phối. Do đó việc nghiên cứu quan hệ phân phối được xem là chìa khoá để tháo gỡ cho các vấn đề liên quan đến việc phân chia các lợi ích trong xã hội.

2.1. VỊ TRÍ, NỘI DUNG, TÍNH ĐA DẠNG CỦA VẤN ĐỀ PHÂN PHỐI THU NHẬP

2.1.1. Nội dung

** Khái niệm:*

- Phân phối là hoạt động của con người nhằm phân chia các nguồn lực và lợi ích trong nền kinh tế.

- Phân phối là khái niệm rộng phản ánh nhiều nhóm quan hệ kinh tế - xã hội theo những đối tượng và phạm vi khác nhau, trong đó phân phối kết quả sản xuất là biểu hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể do sở hữu điều kiện SX quy định.

Phân phối kết quả SX là sự phân chia sản phẩm lao động giữa những chủ thể của nền sản xuất xã hội. Trong nền kinh tế hàng hóa, phân phối kết quả SX là sự phân chia giá trị của tổng sản phẩm xã hội đã được SX ra trong một thời gian nhất định giữa những giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội, trong đó sự phân chia giá trị mới được SX ra là đặc biệt quan trọng vì nó thể hiện tính chất đặc thù của từng chế độ xã hội cụ thể.

- *Phân phối thu nhập cho cá nhân người lao động là phân phối và phân phối lại giá trị các hàng hóa và dịch vụ cho các thành viên đã tham gia vào quá trình tái SX xã hội để tái SX các mặt hoạt động của cá nhân trong nền kinh tế.*

Phân phối thu nhập cho cá nhân người lao động trong các cơ sở SXKD là phân phối phần giá trị mới do lao động của họ tạo ra dưới các hình thức: tiền lương, lợi nhuận, lợi tức. Tùy theo phương thức phân phối trong mỗi chế độ xã hội mà có sự chênh lệch về thu nhập giữa mỗi người. Trong nền KTTT, sự chênh lệch quá mức về thu nhập của các thành viên trong xã hội là biểu hiện cơ bản của thiếu công bằng, dẫn đến xung đột xã hội vì vậy bất kỳ nước nào cũng phải tìm cách hạn chế nếu muốn cho nền kinh tế đó phát triển. Không có một nền kinh tế nước nào có thể phát triển mạnh nếu bản thân trong xã hội đó diễn ra tình trạng phân phối bất công.

* *Nội dung:*

- Phân phối các nguồn lực kinh tế (phân phối đầu vào) cho các chủ thể kinh tế - phân phối trước sản xuất, vừa qua tác dụng tự phát của cơ chế thị trường, vừa thông qua chức năng điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

- Phân phối kết quả sản xuất là phân phối sau sản xuất, một trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất, bao gồm phân phối sản phẩm và phân phối thu nhập.

+ Phân phối sản phẩm được thực hiện bằng 2 phương pháp: hiện vật và giá trị, trong đó hình thức phân phối giá trị là tối ưu nhờ phát huy vai trò tiền tệ.

+ Phân phối thu nhập quốc dân được thực hiện qua 2 lần:

. Phân phối lần đầu cho các chủ thể liên quan trực tiếp đến sản xuất kinh doanh, hình thành nên thu nhập chính của các chủ thể trong xã hội.

. Phân phối lại được thực hiện trong quá trình sử dụng các khoản thu nhập có được từ lần phân phối đầu, hay còn được thực hiện qua việc sử dụng công cụ thuế và giá cả.

2.1.2. Về trẻ

- Phán phäúi thu nhäúp lai mäüt hẹnh thạii kinh tấu xại häüi, nơi äám báo cho tiäu dùng cai nhán cuái mäüi thạinh viãn trong xại häüi.

Quan häü saín xuáút thãø hiãün trăn nhæïng màüt naio chuí yãúu: quan häü saí hæü TLSX, quan häü tãø chæic quain lyí saín xuáút vai quan häü phán phäúi saín pháøm xại häüi.

- Mäüi phæång thæic saín xuáút khaiç nhau thẹ coí quan häü phán phäúi khaiç nhau. Træäic häüt, phán phäúi lai mäüt màüt cuái quan häü saín xuáút, do quan häü saí hæü vãø TLSX quyãút äènh.

+ Trong äoi, quan häü saí hæü vãø TLSX quyãút äènh tênh cháút cuái quan häü phán phäúi. Äãöng thạii, quan häü phán phäúi lai caii äám báo cuäüi cùng äãø quan häü saí hæü tæi hẹnh thæic phaiþ lyí äæäüc thæüc hiãün vãø màüt kinh tấu.

+ Ngoai ra, quan häü phán phäúi coin phuü thuäüc:

. Trẹnh ääü cuái læüc læäüng saín xuáút

. Văn hoá, phong tục, tập quán.

. Quan hệ quốc tế.

Trong quá trình tái sản xuất xã hội có những khâu nào? (sản xuất, phân phối, trao đổi, sản xuất, tiêu dùng)

- Mất khâu, phân phối lại mất khâu cuối quá trình tái sản xuất xã hội.

+ Phân phối do sản xuất quy định. Có sản xuất mới có phân phối, sản xuất ảnh hưởng nhiều thế mới có nhiều cái ảnh hưởng vai trò lâu.

+ Phân phối cũng tác động trở lại sản xuất. Nếu phân phối hấp thụ, ảnh hưởng lâu kinh tế cuối các chủ thể tham gia vào quá trình sản xuất thế thực ảnh hưởng sản xuất phải triển vai trò lâu.

2.1.3. Tênh ảnh hưởng

- Mất mất thành phần kinh tế, tuy nhiên vào hệ thống sản xuất mới có mất số quan hệ phân phối nhất định.

- Ngược lại mất ngược còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, do vậy quan hệ phân phối rất ảnh hưởng. Ảnh hưởng này còn tuy nhiên vào nhiều quan hệ khác.

2.1.4. Các lý thuyết về phân phối thu nhập

2.1.4.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác -Lênin về phân phối thu nhập

Lý thuyết về phân phối thu nhập được thể hiện rõ trong các lý luận của C.Mác về tiền lương, lợi nhuận, lợi tức, địa tô. Ông phân tích rõ sự thống nhất và đối lập của các thu nhập cá nhân dưới chủ nghĩa tư bản, sự khác nhau của các hình thức phân phối hình thành thu nhập cá nhân trong các hình thái kinh tế xã hội.

- Về tiền lương: C.Mác chỉ rõ bộ phận giá trị mới trong quá trình SX đều do lao động của người công nhân tạo ra. Những người công nhân làm thuê chỉ nhận được một phần sản phẩm trong giá trị mới sáng tạo ra, được coi là số tiền trả công nhất định đại biểu cho cái phần lao động cần thiết để duy trì và tái SX sức lao động. Tiền trả công đó chính là tiền lương, nó không phải là giá trị hay giá

cả của lao động như các học giả tư sản cổ điển nêu ra mà là giá trị của sức lao động và được biểu hiện ra bên ngoài thành giá trị hay giá cả của lao động.

Ông cho rằng: “Giá trị của sức lao động là giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì cuộc sống của người có sức lao động ấy”. Có nghĩa là giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết đó không phải để duy trì cuộc sống của mỗi người công nhân nói chung mà để duy trì cuộc sống của mỗi người công nhân có sức lao động bỏ ra khác nhau. Do đó, số lượng giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết đó cũng khác nhau phụ thuộc vào giá trị sức lao động của từng người, lao động bỏ ra càng nhiều thì việc bù đắp lại càng lớn, ông cũng chứng minh rằng: đại lượng giá trị sức lao động phụ thuộc cả những yếu tố như năng suất lao động, lượng độ dài của thời gian lao động và cường độ lao động. Giá trị sức lao động bao gồm cả những yếu tố vật chất, tinh thần và lịch sử, vì vậy để xác định tiền lương cần phải xác định các yếu tố sau:

Thứ nhất, giá trị những tư liệu sinh hoạt về vật chất và tinh thần cần thiết để tái SX sức lao động, duy trì đời sống của bản thân người công nhân.

Thứ hai, phí tổn đào tạo người công nhân.

Thứ ba, giá trị những tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết cho con cái người công nhân.

Trong lý luận về tiền lương, ông đã chỉ ra sự khác nhau giữa tiền lương danh nghĩa và tiền lương thực tế. Ông còn chỉ ra hai hình thức cơ bản của tiền lương là: tiền lương tính theo thời gian và tiền lương tính theo sản phẩm.

- *Về lợi nhuận*: Ngoài tiền lương, cái phần giá trị hay giá cả của sức lao động ra, trong phần giá trị mới sáng tạo ra bởi người công nhân làm thuê có một bộ phận dôi ra là giá trị thặng dư mà biểu hiện ra bên ngoài là lợi nhuận. Kế thừa có phê phán tư tưởng của các nhà kinh tế học cổ điển, ông cũng khẳng định lợi nhuận là một bộ phận giá trị do công nhân tạo ra, nhưng do chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa mà chúng lại thuộc về các chủ tư bản, một số ít người chiếm hữu tư liệu SX.

- *Về lợi tức*: Ông chỉ ra rằng trong xã hội tư bản còn tồn tại một số người với tư cách là ông chủ sở hữu tiền, chuyên cho vay để kiếm lợi (hưởng lợi tức).

Lợi tức chính là một phần lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay theo một tỷ suất lợi tức nhất định.

- *Về địa tô*: Kế thừa và phát triển lý luận của các học giả tư sản cổ điển trong lý luận địa tô tư bản chủ nghĩa, ông cho rằng địa tô tư bản chủ nghĩa là phần giá trị thặng dư siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân của nhà tư bản kinh doanh ruộng đất. Ông chứng minh rằng, thực chất địa tô là sự chuyển hóa của lợi nhuận siêu ngạch. Các nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp ngoài việc thu được lợi nhuận bình quân ra còn phải thu thêm một phần giá trị thặng dư nữa, tức là lợi nhuận siêu ngạch để trả cho chủ ruộng đất dưới hình thái địa tô.

Như vậy, ông đã chỉ ra rằng: tiền lương, lợi nhuận (trong đó bao gồm cả lợi tức), địa tô là ba bộ phận của tổng giá trị được sinh ra hàng năm do người công nhân làm thuê. Các bộ phận ấy cấu thành thu nhập hàng năm của ba giai cấp: nhà tư bản, địa chủ và công nhân.

Lý thuyết phân phối cho thu nhập cá nhân dưới chủ nghĩa tư bản của các nhà kinh tế học tư sản cổ điển và C.Mác được xây dựng trên cơ sở lý thuyết giá trị - lao động. Theo quan điểm giá trị lao động, thu nhập là bộ phận giá trị mới do lao động của người SX tạo ra trong quá trình SX sau khi đã trừ đi những chi phí vật chất. Trong phần giá trị mới đó có một phần (v) trả cho người trực tiếp lao động gọi là tiền lương. Như vậy tiền lương là thu nhập của người công nhân, thu nhập có lao động. Phần còn lại (m) tồn tại dưới các hình thái chuyển hóa là lợi nhuận của tư bản thương nghiệp, tư bản công nghiệp...lợi tức của tư bản cho vay, địa tô của địa chủ. Lợi nhuận, lợi tức, địa tô là thu nhập của những chủ sở hữu tư bản và đất đai.

- Tư tưởng cốt lõi của các ông về phân phối thu nhập cá nhân dưới CNXH được thể hiện ở hai điểm lớn:

Một là, để cho sự phân phối thực sự công bằng và bình đẳng thì mọi thành viên tham gia vào quá trình SX xã hội phải có sự bình đẳng về địa vị kinh tế, tức họ phải là chủ sở hữu những tư liệu SX chủ yếu của xã hội.

Hai là, phương thức phân phối sản phẩm làm ra dưới CNXH phải trên cơ sở sau khi khấu trừ những khoản cần thiết của SX như thay thế tư liệu SX đã

hao phí, tích lũy mở rộng SX, dự trữ bảo hiểm, khấu trừ nhu cầu chi tiêu của xã hội như chi tiêu chung về quản lý, y tế, giáo dục... phần còn lại được phân phối cho cá nhân theo nguyên tắc: “cùng một số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội dưới một hình thức này thì anh ta lại nhận trở lại của xã hội dưới một hình thức khác”. Đây chính là nguyên tắc phân phối theo lao động.

- Nguyên tắc phân phối theo lao động còn được Lenin phát triển lên một bước trong quá trình xây dựng nền kinh tế CNXH trong hiện thực. Ông đã nêu ra một cách rõ ràng quan niệm phân phối theo lao động:

Một là, người nào không làm thì không có ăn.

Hai là, số lượng lao động ngang nhau, thì hưởng số lượng sản phẩm ngang nhau. Mặt khác, Lenin còn chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, quan hệ hàng hóa - tiền tệ được coi là tiền đề để thực hiện phân phối theo lao động. Chính quan điểm này đã phá vỡ mô hình nhà nước trực tiếp phân phối sản phẩm, nhấn mạnh sự quan tâm lợi ích kinh tế cá nhân. Ông chỉ rõ, trong tình hình lực lượng SX chưa phát triển, SX xã hội thiếu thốn, nếu nhà nước trực tiếp phân phối sản phẩm tất yếu dẫn đến: một mặt, là tập trung sản phẩm có tính chất cưỡng chế, mặt khác dẫn đến chủ nghĩa bình quân cực đoan, thủ tiêu công bằng xã hội trong phân phối.

Tiến hành xây dựng CNXH mà chỉ dựa vào nhiệt tình cách mạng thì chưa đủ mà phải dựa vào sự quan tâm thiết thân đến lợi ích cá nhân. Sự quan tâm thiết thân đến lợi ích cá nhân có tác dụng nâng cao năng suất lao động. Vì vậy, Lenin nhấn mạnh phân phối cần khắc phục triệt để khuynh hướng bình quân chủ nghĩa, thật sự quán triệt nguyên tắc làm có năng suất cao hơn thì hưởng cao hơn.

Thứ ba, khi giải quyết vấn đề giữa lao động và thu nhập cá nhân, ông nhấn mạnh thu nhập của người lao động phải gắn với thành quả lao động và năng suất lao động. Theo ông, tiền lương và tiền thưởng phải quan hệ mật thiết với nhau, đồng thời quỹ thưởng cần được tiến hành phân phối hợp lý, nên dùng để thưởng cho những người làm kinh tế có những biểu hiện của tinh thần dũng cảm, chăm chỉ, có trách nhiệm, tài giỏi. Như vậy, Lenin đã làm rõ quỹ thưởng chỉ có thể

phân phối trên cơ sở làm nhiều và có hiệu quả hơn thì nhiều hơn mà không thể là phân phối bình quân.

Ngoài hình thức phân phối theo lao động là chủ đạo còn có hình thức phân phối theo sở hữu vốn, và các đóng góp khác vào quá trình SX. Với tư cách là người lao động họ nhận được tiền công theo giá trị sức lao động, với tư cách người làm chủ sở hữu tư liệu SX, họ nhận được lợi nhuận. Tuy nhiên, đã có những biểu hiện mới so với quan hệ phân phối trong xã hội tư bản chủ nghĩa, bây giờ lợi nhuận không phải do một số ít nhà tư bản định đoạt phân phối, mà nó thuộc về tay người lao động. Chính người lao động là người có quyền tham gia vào phân phối khoản lợi nhuận đó. Đây chính là sự biểu hiện đặc thù của phân phối thu nhập cho cá nhân trong thời kỳ quá độ. Quan hệ phân phối không hoàn toàn mang tính chất tư bản chủ nghĩa, nhưng cũng chưa phải là quan hệ phân phối của CNXH.

2.1.4.2. Quan điểm của một số trường phái kinh tế học hiện đại về phân phối thu nhập

Vào giữa thế kỷ XX, trên thế giới xuất hiện một số trường phái kinh tế khác nhau với những quan niệm riêng về phân phối hình thành thu nhập cá nhân nhằm thực hiện công bằng xã hội.

Một là, lý thuyết của trường phái KTTT xã hội ở Cộng hoà Liên bang Đức

Tác giả tiêu biểu của trường phái này là A.Muller Armack. Trong tác phẩm “Gia phả của nền KTTT xã hội” viết năm 1948, ông đã đưa ra những quan niệm chủ yếu về phân phối thu nhập. Trước hết để đảm bảo công bằng xã hội trong phân phối kết quả SX cho mỗi cá nhân thì phần được phân phối phải có sự tương xứng với phần đóng góp của mỗi người, sau đó thông qua các chính sách xã hội phù hợp nhằm giúp đỡ những người có thu nhập thấp [**Error! Reference source not found.**, 312]”. Quan niệm như vậy thể hiện tư tưởng cơ bản của các nhà kinh tế học hiện đại đối với công bằng xã hội trong phân phối thu nhập của cá nhân. Đó là công bằng phải thể hiện cả theo chiều ngang và theo chiều dọc. Công bằng theo chiều ngang tức là phân phối đảm bảo công bằng cho những

người ngang nhau về đóng góp lao động, đóng góp vốn. Công bằng theo chiều dọc tức là tái phân phối từ những người có thu nhập cao sang những người có thu nhập thấp hoặc không có thu nhập.

Theo trường phái này, công bằng xã hội trong phân phối phải được thể hiện cụ thể:

- Một mặt, thực hiện tiền lương tối thiểu và đảm bảo lương phân biệt thông qua sự thoả thuận tự do.

- Mặt khác, thực hiện công bằng thu nhập, xoá bỏ những khác biệt vô lý trong thu nhập thông qua các biện pháp đánh thuế, mở rộng hình thức công nhân có cổ phần trong DN, áp dụng chính sách tăng việc làm, hỗ trợ cho các nhóm người có thu nhập thấp bằng các biện pháp như ưu đãi thuế đối với các nhà kinh doanh, trả lương bổ sung cho công nhân căn cứ vào mức thu nhập thấp, trợ cấp nhà ở, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội.

Các quan niệm về phân phối và yêu cầu thực hiện các chính sách như trên của trường phái này là nhằm tạo sự ổn định xã hội - một trong hai mục tiêu chính mà họ đặt ra.

Hai là, quan niệm của trường phái chính hiện đại về phân phối thu nhập

Người đứng đầu của trường phái này là P.A.Samuelson, nhà kinh tế học người Mỹ. Trường phái chính hiện đại đã đưa ra các nguyên tắc phân phối thu nhập trong cơ chế thị trường có sự can thiệp của nhà nước. Theo trường phái này, phân phối thu nhập được quyết định bởi các quan hệ cung và cầu trên thị trường. Chìa khoá để hiểu nguyên tắc phân phối này là lý thuyết “Hàm sản xuất”. P.A.Samuelson cho rằng: hàng hoá được SX ra cho ai được xác định bởi mối quan hệ cung - cầu ở thị trường các yếu tố SX. Thị trường này xác định mức tiền lương, tiền thuê đất, lãi suất và lợi nhuận, những thứ này đi vào thu nhập của mọi người. Như vậy, phân phối thu nhập trong nhân dân được xác định bởi số lượng các nhân tố có được (giờ công, diện tích đất...) và giá cả các nhân tố đó (mức lương, tiền thuê đất...).

- *Về tiền công*: Ông cho rằng, mức tiền công thực tế khác nhau giữa các vùng, hoặc ở các thời kỳ khác nhau, trước hết là do hoạt động của mức cung -

cầu về lao động, tiếp đến là do sự biến đổi của các yếu tố đầu vào khác như tư bản (vốn), tài nguyên và trình độ kỹ thuật. Mức tiền công của các lao động khác nhau là do chất lượng đầu vào của các lao động như trình độ tay nghề, đào tạo, học vấn và giáo dục quy định. Mặt khác, giữa những người lao động khác nhau cũng có mức tiền công khác nhau. Nếu một người đầu tư nhiều thời gian và tiền của vào việc học tập để có một nghề chuyên sâu, thì anh ta sẽ làm việc có năng suất và hiệu quả cao hơn. Do đó, sẽ thu được mức tiền công cao hơn nhiều so với một người không có sự hy sinh như vậy.

Bên cạnh đó, họ cũng cho rằng: tiền thuê đất và các tài nguyên khác là khoản thu nhập mà người chủ của nó phân phối được từ sản phẩm xã hội thông qua việc cung ứng đất đai và các tài nguyên khác vào SXKD với tư cách là các yếu tố đầu vào. Mức tiền thuê đất và các tài nguyên khác được xác định trên thị trường cạnh tranh, do quan hệ cung - cầu về đất đai và các tài nguyên khác quy định.

- *Về lợi tức và lãi suất*: theo trường phái này, lợi tức và lãi suất là thu nhập của những người cung cấp yếu tố đầu vào của SX, bao gồm vốn và tài sản chính. Mức lợi tức là thu nhập ròng mà người chủ sở hữu nhận được từ việc cho thuê nguồn vốn của mình. Đối với những người có tài sản chính, việc chuyển tiền cho người đầu tư bằng cách cho vay hoặc đi mua trái phiếu và chứng khoán, gửi tiền vào quỹ tiết kiệm, quỹ hưu trí... để cuối cùng chuyển đến những DN và những người đầu tư thực sự, sẽ thu được lãi suất. Lãi suất là giá của một ngân hàng, hoặc một người đi vay khác trả cho người cho vay để được sử dụng tiền trong một thời gian. Tiền lãi có nhiều hình thức là: lãi suất dài hạn và ngắn hạn, tùy theo thời gian cho vay, lãi suất cố định và lãi suất thay đổi... Mức lợi tức và lãi suất cũng được xác lập bởi cạnh tranh và tình hình cung - cầu về vốn và tài sản chính trên thị trường.

- *Đối với lợi nhuận*: các nhà kinh tế trường phái chính hiện đại cho rằng lợi nhuận là sự chênh lệch giữa tổng thu nhập của một DN (hay của một nền kinh tế) với tổng chi phí (tiền công, tiền lương, tiền thuê đất, nhà cửa, nguyên vật liệu, lãi suất, thuế hàng hoá và các thứ khác). Như vậy, tiền công, tiền lương,

tiền thuê đất, tiền lãi và lợi nhuận là các khoản thu nhập của các giai cấp, các tầng lớp trong nền SX tư bản chủ nghĩa. Nguyên tắc phân phối thu nhập được thực hiện thông qua thị trường dưới tác động của các quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu.

- Tuy nhiên, trong khi đề cao vai trò của thị trường đối với phân phối thu nhập quốc dân, các nhà kinh tế trường phái chính hiện đại còn chỉ ra những thất bại của thị trường. Do thị trường là một cơ chế điều tiết không biết đến phạm trù đạo đức và nhân đạo, nếu cứ để mặc sự khác nhau giữa mọi người về lao động và tài sản do cơ chế này tự điều tiết thì không tránh khỏi sự bất bình đẳng lớn về thu nhập. Bởi vậy, cần phải có sự can thiệp của nhà nước vào phân phối.

- Mục đích của sự can thiệp này nhằm giải bớt tình trạng bất bình đẳng về thu nhập. Muốn vậy, nhà nước phải thiết lập các chương trình tác động đến việc phân phối thu nhập. Thông qua phân phối lại, nhà nước có thể dành một phần thu nhập để đảm bảo mức sống tối thiểu về y tế, dinh dưỡng và thu nhập nhằm nâng cao mức sống của người nghèo. Nhà nước phải tiến hành phân phối lại bằng cách phân bổ gánh nặng thuế khoá giữa những nhóm thu nhập hay giai cấp khác nhau.

- Công cụ để nhà nước thực hiện phân phối lại thu nhập là thuế lũy tiến và hỗ trợ thu nhập. Thuế lũy tiến là mức thuế đánh vào người giàu có tỷ lệ thu nhập lớn hơn người nghèo. Loại thuế này có tính chất phân phối lại thu nhập, chuyển khả năng tiêu dùng của người giàu sang người nghèo. Tuy nhiên, các nhà kinh tế của trường phái chính hiện đại cho rằng việc phân phối lại có thể làm giảm khoảng cách bất bình đẳng trong xã hội, nhưng cũng trả giá cho tình trạng không hiệu quả. Nếu chính phủ áp dụng mức thuế lũy tiến cao thì cố gắng của những người đóng thuế giảm xuống, làm giảm tổng thu nhập quốc dân thực tế.

Nhìn chung, trong lĩnh vực phân phối thu nhập cho cá nhân, các học thuyết của các nhà kinh tế học tư sản hiện đại đã có những bước tiến bộ hơn so với các nhà kinh tế học tư sản cổ điển. Đó là, khi nhận thấy cảnh bất công của phân hoá giàu nghèo, các nhà kinh tế học hiện đại đã đưa ra những giải pháp khắc phục, tuy chưa phải là những giải pháp triệt để xoá hẳn những bất công đó.

Giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và trường phái Kinh tế học hiện đại có những quan điểm giống nhau về phân phối thu nhập cho người lao động. Đó là, họ đã ưu tiên việc phát triển, tăng trưởng kinh tế lên hàng đầu, kết hợp với điều tiết thu nhập giữa các nhóm tầng lớp xã hội có thu nhập khác nhau nhằm giữ ổn định xã hội. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác – Lênin chú trọng việc xóa bỏ tình trạng bất công của sự phân hóa giàu nghèo, mà con đường duy nhất là xóa bỏ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, để tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Song, để tiến lên chủ nghĩa cộng sản là một quá trình đấu tranh lâu dài, trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản vẫn tồn tại nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nên tất yếu có nhiều nguyên tắc phân phối, trong đó phải lấy phân phối theo lao động và hiệu quả SXKD làm chủ đạo.

2.2 TÍNH TẤT YẾU VÀ BẢN CHẤT CỦA QUAN HỆ PHÂN PHỐI

2.2.1. Tính tất yếu của việc nghiên cứu quan hệ phân phối

- Qua quá trình phát triển của lịch sử đã chỉ ra rằng: phát triển sản xuất là cách thức duy nhất để tạo nên sự phồn thịnh bền vững của mỗi quốc gia, trong đó quá trình tái sản xuất được xem là trung tâm của mọi hoạt động.

- Quá trình tái sản xuất xã hội bao gồm bốn khâu: Sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng. Các khâu này có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó sản xuất đóng vai trò quyết định, các khâu khác phụ thuộc vào sản xuất và cũng có tác động ngược trở lại với quá trình sản xuất, đồng thời cũng có tác động qua lại với nhau.

+ Trong guồng máy đó phân phối là một khâu không thể thiếu được, nó nối liền sản xuất với tiêu dùng, nó phục vụ và thúc đẩy sản xuất, phục vụ tiêu dùng.

+ Hơn nữa quan hệ phân phối còn là một mặt của quan hệ sản xuất, nó phản ánh mối quan hệ lợi ích của mỗi thành viên và lợi ích của toàn xã hội.

+ Sản xuất tạo ra những vật phẩm thích hợp với nhu cầu, phân phối chia các sản phẩm (được quy ra giá trị) đó theo những quy luật xã hội, nối tiếp đó là

quá trình trao đổi, phân phối các sản phẩm đã được phân phối theo những nhu cầu cá biệt.

+ Quá trình được kết thúc khi sản phẩm được tiêu dùng và lúc đó sản phẩm thoát ra khỏi sự vận động mang tính kế thừa, trực tiếp trở thành đối tượng phục vụ cho nhu cầu cá biệt và thoả mãn nhu cầu đó trong quá trình tiêu dùng.

→ Như vậy phân phối được xem là yếu tố xuất phát từ xã hội, còn trao đổi là yếu tố xuất phát từ cá nhân.

- Trong sản xuất con người được khách thể hoá, trong tiêu dùng vật được chủ thể hoá.

- Trong phân phối dưới hình thái những quy định phổ biến có tác dụng chi phối thì xã hội đảm nhiệm vai trò trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng. Phân phối xác định tỷ lệ về lượng sản phẩm dành cho cá nhân.

- Trao đổi xác định những sản phẩm trong đó cá nhân đòi hỏi phân phối dành cho mình.

Mac đã nhận định rằng: “Một nền sản xuất nhất định quyết định một chế độ tiêu dùng nhất định, một chế độ trao đổi nhất định cũng ảnh hưởng đến phân phối”⁽¹⁾

- Trên thực tế nếu ta chỉ nhận định rằng các khâu đó chỉ là các bước kế tiếp của nhau thì chưa phản ánh hết được bản chất bên trong mang tính khách quan của quá trình tái sản xuất.

- Sản xuất chịu ảnh hưởng bởi các quy luật của tự nhiên và phân phối cũng chịu ảnh hưởng bởi các quy luật ngẫu nhiên của xã hội.

- Quá trình trao đổi được xem như sự vận động xã hội có tính hình thức, còn hành vi cuối cùng là tiêu dùng, không những được coi là điểm kết thúc mà còn là mục đích cuối cùng.

Như vậy phân phối được xem là công cụ đảm bảo cho các quá trình tái sản xuất hoạt động một cách trôi chảy, là động lực cho các thành viên trong nền kinh tế hoạt động một cách có hiệu quả.

2.2.2. Khái niệm quan hệ phân phối

Quan hệ phân phối là quan hệ giữa người và người trong lĩnh vực phân phối. Đó là quan hệ giữa các chủ thể kinh tế tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào sản xuất kinh doanh trong việc phân phối sản phẩm làm ra, cũng như trong việc phân chia thu nhập có được.

Những người không tham gia vào sản xuất, kinh doanh cũng được phân phối, nhưng không phải là chủ thể, mà là khách thể thụ động.

Ở đây, chúng ta chỉ đề cập đến phân phối kết quả sản xuất, trong đó chú trọng phân phối thu nhập.

2.2.3. Bản chất của quan hệ phân phối

- Tính chất của quan hệ phân phối do quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định.

+ Khi ta xét nó trong mối quan hệ giữa người và người thì phân phối do quan hệ sản xuất quyết định.

+ Quan hệ sản xuất như thế nào thì quan hệ phân phối như thế đó và trong xã hội luôn tồn tại mối quan hệ qua lại giữa sản xuất và sản phẩm.

+ Bản thân của phân phối là sản phẩm của nền sản xuất.

+ Cơ cấu của phân phối hoàn toàn do cơ cấu của sản xuất quyết định.

- Ví dụ:

+ Với chế độ TBCN, do dựa trên sở hữu tư nhân TBCN về TLSX, nên quan hệ phân phối luôn nhằm bảo vệ tối đa cho lợi ích của nhà tư bản.

+ Với chế độ XHCN, do dựa trên hình thức sở hữu công cộng về TLSX, nên quan hệ phân phối đảm bảo sự bình đẳng giữa những người lao động tự do, trên cơ sở năng suất chất lượng và hiệu quả lao động.

- Nếu ta chỉ hiểu rằng phân phối được biểu hiện là phân phối sản phẩm tiêu dùng cho cá nhân và các thành viên trong xã hội thì dường như phân phối đã cách xa với sản xuất và tựa như là độc lập với sản xuất.

+ Nhưng trước khi phân phối là phân phối sản phẩm thì nó đã xuất hiện ngay trong quá trình sản xuất (đó là phân phối các nguồn lực đầu vào, các yếu tố của sản xuất) và đặc biệt nó còn tham gia trực tiếp trong việc phân phối các thành viên xã hội theo những loại sản xuất khác nhau.

+ Như vậy phân phối sản phẩm chỉ là kết quả của sự phân phối trước đó, sự phân phối này đã bao hàm trong bản thân quá trình sản xuất và quyết định trong cơ cấu sản xuất. Xem xét sản xuất độc lập với phân phối thì rõ ràng là mơ hồ bởi thực chất phân phối đã nằm ngay trong quá trình sản xuất, còn phân phối sản phẩm được coi là bề nổi và là biểu hiện quan trọng nhất của phân phối. Và điều quan trọng, chúng ta phải thấy được nó không hoàn toàn tách rời với sản xuất.

- Khi nói về cơ sở kinh tế của sự phân phối ở đây bao hàm ý nghĩa nói đến phân phối vật phẩm tiêu dùng cho các thành viên trong xã hội.

+ Sự phân phối bao giờ cũng bao hàm cả sự phân phối cho sản xuất được xem là yếu tố của sản xuất và phân phối cho tiêu dùng được xem là kết quả của quá trình sản xuất, cho nên không phải toàn bộ sản phẩm mà xã hội tạo ra đều được phân phối cho tiêu dùng cá nhân. Trước hết xã hội cần phải một phần để:

- . Bù đắp những tư liệu sản xuất đã hao phí.
- . Mở rộng sản xuất.
- . Lập quỹ dự phòng.

Các khoản được trích trên được xem là một điều tất yếu về kinh tế, vì nếu không khôi phục và mở rộng sản xuất thì không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Phần còn lại của tổng sản phẩm xã hội thì để tiêu dùng. Nhưng trước khi tiến hành phân phối trực tiếp cho tiêu dùng cá nhân, còn phải trích một phần để:

- . Chi phí về quản lý hành chính và bảo vệ tổ quốc.
- . Chi cho các chương trình phúc lợi và cứu tế xã hội.

Cuối cùng phần vật phẩm tiêu dùng còn lại mới được trực tiếp phân phối cho tiêu dùng cá nhân của những người làm việc trong nền sản xuất xã hội phù hợp với chất lượng và số lượng của lao động cũng như số lượng vốn và tài sản mà họ đóng góp cho quá trình sản xuất.

2.3. VAI TRÒ CỦA QUAN HỆ PHÂN PHỐI

Bàn về vai trò của phân phối trong nền sản xuất xã hội, F.Ăngghen cho rằng: “Sự phân phối chừng nào mà còn bị những lý do thuần túy kinh tế chi phối, thì nó sẽ được điều tiết bởi lợi ích của sản xuất, rằng sản xuất sẽ được thuận lợi trên hết trong mọi phương thức phân phối mà mọi thành viên trong xã hội có thể phát triển, duy trì và thực hiện những năng khiếu của họ một cách toàn diện nhất.”⁽¹⁾

- Quan hệ phân phối là một trong ba mặt của QHSX, nó đảm bảo cho sự quyết định của quan hệ sở hữu được thực hiện về mặt lợi ích kinh tế. Chủ sở hữu phải được phân phối tương xứng với số vốn đã bỏ ra.

-Quan hệ phân phối đảm bảo kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế: không chỉ phân phối theo vốn mà còn phải phân phối theo lao động, theo sự đóng góp, tham gia trực tiếp cũng như gián tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh; tức là nó không chỉ đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu mà còn đảm bảo lợi ích của các chủ thể kinh tế khác. Sự kết hợp hài hòa giữa các loại lợi ích kinh tế được hiện thực hóa trong quan hệ phân phối.

- Quan hệ phân phối góp phần điều tiết việc sử dụng các nguồn lực kinh tế trong nền sản xuất xã hội.

- Quan hệ phân phối đảm bảo sự công bằng xã hội qua quá trình phân phối lại thu nhập quốc dân

(1): F.Ăngghen: “chống Đuy-rinh” NXB Sự Thật, Hà Nội 1960 tr 336

Tuy nhiên, phải phòng và tránh những xu hướng không đúng như: phân phối bình quân hay phân phối vượt quá mức cho phép của nền kinh tế. Hơn nữa, phân phối lại quá đáng sẽ gây phản ứng xã hội và làm triệt tiêu động lực kinh tế.

2.4. CÁC HÌNH THỨC PHÂN PHỐI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nền kinh tế Việt Nam từ sau đại hội VI của Đảng đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong một nền kinh tế còn chưa ổn định và xuất hiện nhiều vấn đề KT-XH đòi hỏi phải được lý giải sáng tỏ cả về lý luận và thực tế. Một trong những vấn đề quan trọng hiện nay là xác định các nguyên tắc phân phối để làm sao vừa đảm bảo công bằng xã hội vừa tạo được động lực thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển vững bước đi lên CNXH. Từng bước thực hiện mục tiêu “Lợi ích của mỗi người, của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp.”⁽¹⁾

Trong nền kinh tế ở nước ta hiện nay tồn tại ba nguyên tắc phân phối cơ bản: Phân phối theo lao động, phân phối theo tài sản hay vốn và những đóng góp khác phân phối ngoài thù lao lao động thông qua các quỹ phúc lợi xã hội. Trong đó lấy phân phối kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

2.4.1. Tênh táút yăúu khaiç quan cuái nhiăöu hçnh thăic phán pháü thu nhăúp trong TKQÁ ái năăic ta

Xuát phát tại yêu cầu của các quy luật kinh tế khai quan vai tại ââu âiăøm kinh tău - xai häüi năăic ta, trong thài kyì quai ââu lân CNXH ái năăic ta phải thăuc hiăün nhiăöu hçnh thăic phán pháü thu nhăúp cai nhán. Áo lai măüt táút yăúu khaiç quan, vç:

* *Thăi nhăút*, năön kinh tău năăic ta lai măüt năön kinh tău coi nhiăöu thài phăön kinh tău văi nhiăöu hçnh thăic sái hăüu khaiç nhau. Tăng äing văi măüi thài phăön kinh tău, măüi hçnh thăic sái hăüu lai măüt hçnh thăic phán pháü thu nhăúp nhăüt äënh.

Măuc duì caiç thài phăön kinh tău khăng tăön taüi âăuc láüp mai ân xen văi nhau hăüp thài măüt cả cáúu kinh tău thăung nhăút, song chăng naio coi tăön taüi nhăing hçnh thăic sái hăüu khaiç nhau thç sæu phán pháüi chăa

thảo thảo hiên theo müt hính thảo thúng nhút mai phải âu thảo thảo hiên theo nhieu hính thảo phán phúi. Chè coi nhè vâu müt giai phoing âu thảo müt nang lêu sán xuút, khai thảo triüt âu müt tiöm nang kinh tüt cuái áút nêic nhòm phit triön maüh méi kinh tüt - xai hui ái nêic ta.

* *Thæi hai*, trong nön kinh tüt nêic ta còn tön tüt nhieu phang thảo kinh doanh khai nhau. Nön kinh tüt nêic ta lại nön kinh tüt haing hoai nhieu thah phön vün äüing theo cá chü thè træng coi sêu quain lý cuái Nhài nêic. Trong nön kinh tüt nay, coi nhieu chú thảo sán xuút kinh doanh thuüc nhieu thah phön kinh tüt tham gia. Müi thah phön kinh tüt coi phang thảo tæo chæic sán xuút kinh doanh khai nhau. Ngay trong müi thài ky, kæo cá thah phön kinh tüt nhài nêic cüing coi cáic phang thảo kinh doanh khai nhau, do ôi, küt quai vai thu nhüp lai khai nhau.

Hän nêi, trong äieu kiün cuái nön kinh tüt thè træng, cáic chú thảo sán xuút kinh doanh tham gia vào nön kinh tüt äüo coi sêu khai nhau vö sái hêu cuái cáic, vün, trnh äü chuyän män, tay nghö, nang lêu sái træng, thüm chë khai nhau cáic sêu may mөн... Do ôi, khai nhau vö thu nhüp.

Vç vâu, khäng thảo coi müt hính thảo phán phúi thu nhüp thúng nhút, trai lui coi nhieu hính thảo phán phúi khai nhau.

* *Thæi ba*, nêic ta âang trong thài ky hính thah vai phit triön kinh tüt thè træng theo äenh hæing XHCN, do ôi quan hê phán phúi cüing phải lai sêu küt hüp cáic hính thảo phán phúi cuái cá chü thè træng (nhè phán phúi theo vün) vüi cáic hính thảo phán phúi cuái CNXH (nhè phán phê theo lao äüing), trong ôi cáic hính thảo phán phúi cuái CNXH phải äoing vai trò chú äüo.

2.4.2 Các hình thức phân phối cơ bản trong TKQĐ ở Việt Nam

Coi 3 hệnh thæic phán phãúi cả báin: phán phãúi theo lao âãung, phán phãúi thãng qua phuic lãúi tãúp thãø vai xã hãúi, phán phãúi theo vãun hoãuc giãi trẽ tài sãin.

Trong àoĩ, phán phãúi theo lao âãung lại hệnh thæic phán phãúi cả báin đããi CNXH

Trong Ấãúi hãúi àoĩ biãøu toãin quãuc lãõn thãĩ VIII cuãĩ Ấãĩng ta àoĩ khãõng ãnh: “Thæuc hiãũn nhiãõu hệnh thæic phán phãúi, lãúy phán phãúi theo kãút quãĩ lao âãung vai hiãũu quãĩ kinh tãú lại chũĩ yãũu, àoĩng thãĩi phán phãúi đẽũa trãn mæic àoĩng goĩp cãic nguãõn læuc khãic vaio kãút quãĩ sãin xuãút kinh doanh vai phán phãúi thãng qua phuic lãúi xã hãúi” (ẤCSVN: Vãn kiãũn àoĩ hãúi àoĩ biãøu toãin quãuc lãõn thãĩ VIII, NXB CTQG, HN 1996, tr.92).

Vãi trong Bãio cãio chẽnh trẽ cuãĩ Bãn chãúp hãinh Trung æãng Ấãĩng khoãĩ VIII tãũĩ àoĩ hãúi Ấãĩng lãõn thãĩ IX cũĩng tiãúp tuuc khãõng ãnh àoĩ àoĩ.

2.4.2.1. Phãn phõĩ theo lao đõng – mõet quy tãc phãn phõĩ củã CNXH

2.4.2.1.1. Thục chãt củã phãn phõĩ theo lao đõng

Theo Mác trong nguyẽn tãc củã phãn phõĩ theo lao đõng thì “Mõĩ ngũoi sãn xuãt sẽ nhãn đũc trõ lại, mõet số lũng vãt phãm tiẽu dũng trĩ giã ngang võĩ số lũng lao đõng mà anh ta đã cung cãp cho xã hõĩ, sau khi đã khãu trũ lao đõng củã anh ta cho cãc quỹ xã hõĩ. ”⁽¹⁾ Mác coi đãy là nguyẽn tãc phãn phõĩ cơ bãn trong CNXH. Vĩ nó là thãn quã củã lao đõng, tãc đõng trũc tiẽp vão tĩnh tĩch cũc củã lao đõng xã hõĩ. Đõ là nguyẽn tãc phãn phõĩ đãm bão công bãng cho nhũng ngũoi sãn xuãt ngang nhãu, tham giã vão quỹ tiẽu dũng xã hõĩ khi làm công viẽc ngang nhãu.

Trong giãi đõn ãng ãy phãn phõĩ theo lao đõng phãĩ đũc đũã trẽn kẽt quã lao đõng và hiẽu quã kinh tẽ. Viẽc đãnh giã thõng qua hai tiẽu chĩ ãy khõng nhũng phãn ãnh đũc đãy đũ mặc lũng củã lao đõng mà còn phãn ãnh đũc mặc chãt ãn sãu trong phãm trũ *lao đõng đõng gõp thục sũ là bão nhiẽu?*. Chĩnh vĩ viẽc phãn ãnh đũng và đãy đũ ãn phãn phõĩ theo lao đõng đũc coi là

hình thức phân phối chủ yếu ở nước ta hiện nay. Nó không chỉ đảm bảo công bằng mà còn tạo động lực cho người lao động làm việc hăng say, không ngừng nâng cao kiến thức, trình độ tay nghề.

2.4.2.1.2. Tính tất yếu của việc phân phối theo lao động

Trong thời kỳ quá độ ở nước ta hiện nay thì phân phối theo lao động là hình thức thức căn bản, là nguyên tắc phân phối chủ yếu thích hợp nhất với các thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất. Trong thành phần kinh tế này tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng đối với tư liệu sản xuất, thì chỉ có thể thực hiện phân phối giữa những người lao động với nhau thông qua việc lấy lao động làm thước đo. Đối với các thành phần kinh tế thì việc phân phối theo lao động là một điều tất yếu. Bởi nhiều nguyên nhân:

Nhờ dựa trên chế độ công hữu mà chế độ người bóc lột người bị xoá bỏ. Quyền làm chủ về mặt kinh tế được xác lập. Lao động đang trở thành cơ sở quyết định địa vị xã hội và phúc lợi vật chất của mỗi người. Chính vì vậy mà phân phối theo lao động và phù hợp với các thành phần kinh tế đang tồn tại ở nước ta hiện nay.

Lý do thứ hai khiến phân phối theo lao động là cần thiết là: trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp, chưa có đủ sản phẩm để phân phối theo nhu cầu. Tiếp đó là sự khác biệt về tính chất và trình độ lao động Dẫn đến mỗi người có cống hiến khác nhau đến kết quả lao động do đó phải căn cứ vào lao động đã cống hiến cho xã hội để phân phối.

Thêm một nguyên nhân nữa cho thấy sự cần thiết phải phân phối theo lao động là lao động chưa trở thành nhu cầu của cuộc sống, nó còn là phương tiện để kiếm sống, còn là "nghĩa vụ" và quyền lợi của mỗi công dân. Hơn nữa còn những tàn dư về tư tưởng của xã hội cũ như thái độ "muốn trút bỏ gánh nặng cho người khác, làm ít hưởng nhiều". Do đó cần phải có hình thức phân phối để các thành viên trong xã hội dựa vào đó là cơ sở, động lực trong các hoạt động của mình.

Như vậy việc phân phối theo lao động là một điều tất yếu và phù hợp với hoàn cảnh của đất nước ta hiện nay, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

2.4.2.1.3. Nội dung của phân phối theo lao động

* Khái niệm:

Phân phối theo lao động là trên cơ sở xác định các mức lương cho người lao động theo quy định của pháp luật, tài sản mà dành 1 phần để tích lũy tiêu dùng phân phối cho người lao động cần các vật tư, lương thực hay kết quả lao động mà họ cần cần hưởng, không phân biệt giới tính, màu da, dân tộc.

* Về trẻ: Hình thức phân phối thu nhập theo lao động được thực hiện hiện chủ yếu trong thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể.

* Theo C.Mác, tổng sản phẩm xã hội sản xuất ra được phân chia theo trình tự sau:

Tổng sản phẩm xã hội: $G = c + v + m$

+ Quy mô bù đắp hao phí tái sản xuất (c)

+ Quy mô tái sản xuất mới (m)

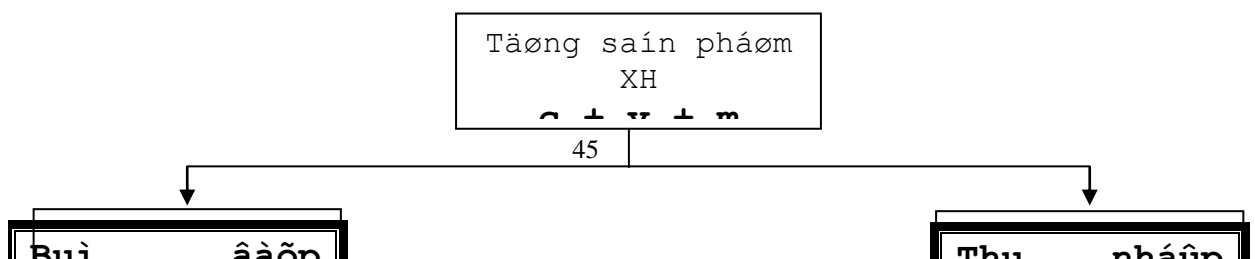
+ Khoản chi phí tái sản xuất xã hội hoặc quy mô chi phí xã hội, chi phí phòng ngừa tai nạn, chi phí phúc lợi do các chi phí xã hội chi trả ra. (m)

+ Khoản chi phí bù đắp chi phí quản lý chung, chi phí quản lý chi phí quản lý chung, chi phí quản lý chi phí quản lý chung... (m)

+ Khoản chi phí xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường, nhà ở, nhà dưỡng lão... (m)

+ Quy mô BHXH (nuôi dưỡng người già cả, trẻ em tàn tật, người lao động không có khả năng lao động) (m)

+ Phần còn lại sau khi chi trả các khoản chi phí xã hội được dùng để phân phối cho người lao động theo tỷ lệ với người lao động cần hưởng theo nguyên tắc phân phối nhất định (v).



* Nguyên tắc phân phối theo lao động cần căn cứ vào:

- Lấy kết quả lao động làm thước đo để phân phối sản phẩm tiêu dùng cá nhân.

- Lấy số lượng lao động và chất lượng lao động của mỗi người làm căn cứ trả công.

- Áp dụng kiên trì mãi mãi tránh lao động: lao động nặng nhọc, lao động trong hầm mỏ, lao động ở những vùng có nhiều khói bụi, xa xôi hẻo lánh như miền núi, hải đảo..., lao động ở những ngành ác ôn, nguy hiểm .v.v...

- Tênh chát của lao động

- Các ngành nghề ác ôn khuyến khích.

- Tuy nhiên nguyên tắc này phải gắn liền với yêu cầu đảm bảo công ăn việc làm cho những người có năng lực lao động, và tất yếu không thể nằm ngoài yêu cầu đảm bảo những nhu cầu cơ bản về đời sống vật chất tinh thần của người lao động.

- Trong quá trình phân phối theo lao động cần chống hai sai lầm cơ bản khi thực hiện, đó là chủ nghĩa bình quân tiểu tư sản trong việc trả công lao động,

vì nó gạt bỏ hoàn toàn nguyên tắc lợi ích vật chất, kìm hãm động lực lao động của người lao động. Thứ hai là khuynh hướng đòi mở rộng quá mức khoảng cách giữa các bậc lương, thang lương một cách không có căn cứ kinh tế và những đòi hỏi có sự ưu đãi đặc biệt đối với một số người.

→ Thước chấu cuái phán phẩi theo lao ăăng lai phán phẩi theo hiău quai mai lao ăăng săung ăai căung hiăun.

- Yău căou cuai nguyăn tăoc phán phẩi theo lao ăăng:

+ Trong ăiăou kiăun nhă nhau, lao ăăng ngang nhau thă trái căng ngang nhau, lao ăăng khăic nhau thă trái căng khăic nhau.

Vê du: Hai SV cùng ra trăăng, cùng măüt táum bằong kyî să ngành chàn nuăi thui y vai vaio làm cùng măüt căng ty, cùng măüt phoing, cùng măüt căng viăuc thă lực nayi lăăng cuai hai ngăăi nayi bằong nhau.

Hai SV cùng ra trăăng, cùng măüt táum bằong kyî să ngành chàn nuăi thui y nhăng măüt ngăăi thă làm viăuc ăi măüt căng ty năăic ngoai, măüt ngăăi thă ăi dauy. Nhă văuy, lực nayi lăăng cuai hai ngăăi nayi khăic nhau.

+ Trong ăiăou kiăun khăic nhau, lao ăăng nhă nhau coi thăo phăi trái căng khăic nhau hoăuc lao ăăng khăic nhau coi thăo phăi trái căng bằong nhau.

Vê du: Cùng vê du trăn, hai SV nayi cùng làm măüt căng viăuc ăoi lai ăi dauy nhăng măüt ngăăi dauy ăi miăon nui, măüt ngăăi dauy ăi vùing ăăong bằong, do ăoi lăăng khăic nhau vă ăi miăon nui coin coi thăm 25% phuû căup lăăng.

Hai sinh viăn cùng trăăng, hai ngành khăic nhau, làm ăi hai năi khăic nhau, măüt ngăăi ăi Huău vai măüt ngăăi ăi Ăai Năông nhăng phăon lăăng că baín phăi lai bằong nhau: $2,34 \times 1.050.000\text{đ}$

* Tăic duing cuai hănh thăic phán phẩi thu nhăp theo lao ăăng:

Thực hiện tốt phân phối theo lao động sẽ có nhiều tác dụng to lớn đối với xã hội và bản thân người lao động.

- Đáp ứng được những đòi hỏi cấp bách của sự công bằng xã hội đang đặt ra ở nước ta, nó kết hợp chặt chẽ lợi ích của sản xuất xã hội với lợi ích của từng cá nhân lao động.

- Nó khuyến khích người lao động đi sâu vào nghề nghiệp chuyên môn làm cho đội ngũ lao động lành nghề ngày càng đông đảo.

- Thúc đẩy người lao động ra sức học tập văn hoá kỹ thuật, góp phần làm cho sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động bằng chân tay bị xoá bỏ dần. Tạo điều kiện cho việc phân bổ và sử dụng nguồn sức lao động được ổn định trong cả nước đảm bảo cho sản xuất xã hội cân bằng và có kế hoạch.

- Thêm vào đó nó góp phần giáo dục về quan điểm, thái độ và kỷ luật lao động đối với mỗi thành viên xã hội. Nó làm cho bản thân người lao động vì lợi ích vật chất của mình mà quan tâm đến kết quả lao động của mình, từ đó ra sức mà đẩy mạnh sản xuất.

- Thætúc ra nguyãntàõc phán pháúi thu nháúp theo lao àääüng cũng cõin cõi yĩ nghĩaĩ àäúi vãĩi cái cãic thảnh pháõn kinh tãú kháic nhau àĩ cãic mãic àäü kháic nhau. Cho nãn, àáy cõin lại mãüt nguyãntàõc nãõn táing cho sæu tãõn taũi vai pháit triãõn cuai xai hãũi.

* Mãüt sæu haũn chãú cuai phán pháúi theo lao àääüng:

- Tuy nhiên để thực hiện được mục tiêu “làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu” thì còn nhiều việc phải làm. Bởi theo Mac phân phối theo lao động vẫn là một thứ pháp quyền tư sản, quyền bình đẳng vẫn nằm trong khuôn khổ tư sản, tức là trong xã hội sản xuất hàng hoá được thực hiện theo nguyên tắc trao đổi ngang giá và quyền của người lao động tỷ lệ với lao động người ấy cung cấp thì điều đó vẫn còn thiếu sót. Bởi với với một công việc ngang nhau một phần tham dự như vào quỹ tiêu dùng xã hội nhưng trên thực tế người này vẫn được hưởng nhiều hơn người kia.

- Hơn nữa:

+ Mũi người lao động thường có thỏ mắt, trẻ mắt, ai đó kiên vai hoàn cảnh gia đình khác nhau. Do đó, phân phối theo lao động có thỏ chừa hoàn toàn bệnh tật.

+ Còn có sự phân biệt giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp, lao động trẻ em và lao động chân tay, lao động quản lý và lao động phi quản lý.

+ Bản chất đó, xã hội chừa có sự khác biệt năng lực thể chất của cá nhân.

+ Mặt khác, mọi người cũng chừa có thời gian, năng lực và cả sự khác biệt.

- Trong xã hội, ngoài những người đang có việc làm và có thu nhập trên cả xã hội lao động cần có sự phân bổ, còn có những người già yếu, tàn tật, trẻ em không thể tham gia vào lao động, nếu chế độ phân bổ phân phối theo lao động thực sự có sự khác biệt thì sẽ có sự phân bổ phân phối theo nhu cầu.

- Sự phân bổ phân phối của phân phối theo lao động lại có sự khác biệt giữa các ngành trong giai đoạn đầu của xã hội cũng cần chú ý. Khi nào, cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, năng suất của họ ngày càng cao và tất cả các nguồn của xã hội đều được phân bổ ra đời, thì khi đó người ta mới có thể phân bổ phân phối theo nhu cầu. Khi đó mới có sự phân bổ phân phối theo nhu cầu. Khi đó mới có sự phân bổ phân phối theo nhu cầu.

Chế độ phân phối theo lao động vẫn còn những thiếu sót nhưng đó là những thiếu sót không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa công sản. Nếu như trong xã hội tư bản phân phối dựa trên cơ sở "người có của, kẻ có công" thì trong xã hội XHCN được dựa trên nguyên tắc "người làm nhiều hưởng nhiều, người làm ít hưởng ít, không làm không hưởng" đó là bình đẳng. Mặc dù còn tồn tại thiếu sót nhưng với tác dụng của mình thì phân phối theo lao động vẫn là hình thức phân phối phù hợp nhất trong điều kiện vừa thực hiện công

ng nghiệp hoá - hiện đại hoá vừa đảm bảo công bằng cho các thành viên trong nền kinh tế hoạt động có hiệu quả.

* Phương thức thực hiện

- Phân phối theo lao động được thực hiện qua các hình thức thu nhập: tiền lương, tiền công, tiền thưởng và tiền phụ cấp.

- Đối với lao động hành chính sự nghiệp thì một phần được phân phối lại dưới hình thức tiền lương từ ngân sách nhà nước

- Ngoài tiền công được xác định lúc tuyển dụng, người lao động còn phải được hưởng một phần lợi nhuận của doanh nghiệp mà họ đã góp phần làm ra, dưới hình thức tiền thưởng một cách thỏa đáng.

2.4.2.2. Phân phối theo vốn hay tài sản và những đóng góp khác

2.4.2.2.1. Tính tất yếu của việc phân phối theo vốn và những đóng góp khác

- Một thực trạng trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta đó là nhu cầu về vốn là rất lớn – nó được xem là một yếu tố không thể thiếu nếu muốn thực hiện thành công quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá. Với cơ cấu nền kinh tế nhiều thành phần, nên tất yếu có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất và cũng sẽ xuất hiện nhiều hình thức kinh doanh khác nhau.

- Nền kinh tế lại xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ có đặc điểm nổi bật đó là tình trạng thiếu vốn và phân tán vốn, quá trình sản xuất, tích tụ và tập trung vốn chưa cao, một phần tương đối lớn vốn sản xuất hiện nay vẫn còn nằm rải rác, phân tán trong tay những người lao động tư hữu nhỏ, tư sản nhỏ dưới nhiều dạng hình thức khác nhau.

Để có thể sử dụng được nguồn vốn đó cho sản xuất xã hội chúng ta không thể áp đặt các chính sách như trưng thu, trưng mua hay đóng góp cổ phần một cách bình quân. Vì tất cả các cách biện pháp đó đều là suy yếu lực lượng sản xuất vốn có của xã hội. Biện pháp được xem là hiệu quả nhất đó là phải có chính sách khuyến khích cho người sở hữu tài sản đầu tư vào việc phát triển sản xuất, từ đó

không chỉ tạo lợi nhuận cho chính bản thân họ mà còn phát triển được nền sản xuất, giải quyết được nhu cầu việc làm đang trở nên ngày càng cấp thiết.

2.4.2.2.2. Quá trình thực hiện phân phối theo tài sản hay vốn và những đóng góp khác

Từ sau nghị quyết Hội nghị lần thứ VI Ban chấp hành trung ương (khoá VI) ở nước ta đã xuất hiện các biện pháp huy động vốn như một số đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể đã huy động vốn của dân cư dưới các hình thức vay vốn, hùn vốn và góp vốn cổ phần không hạn chế với mức lãi hợp lý.... Cách làm như vậy đã có tác dụng đưa được vốn nhân rồi vào vòng chu chuyển. Qua đó kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể nắm quyền sử dụng một nguồn vốn to lớn hơn nhiều nguồn vốn tự có. Như vậy, mặc dù sở hữu vốn là tư nhân, nhưng việc sử dụng vốn đã mang tính xã hội.

Trước nhu cầu vốn như hiện nay cần tạo đủ điều kiện pháp lý để các thành phần kinh tế, tư nhân cá thể và tất cả các thành viên trong xã hội yên tâm mạnh dạn đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh để nguồn vốn không chỉ tạo ra cơ hội sinh lợi cho các thành viên tham gia đầu tư mà còn tạo ra những lợi ích kinh tế xã hội to lớn.

Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh: Cần sửa đổi bổ sung và công bố rộng rãi các chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính chất nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi thành viên xã hội yên tâm đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh. Với quan điểm đổi mới đó, cần phải xem xét phân phối kết quả sản xuất kinh doanh theo vốn và tài sản của mỗi cá nhân đóng góp vào quá trình sản xuất xã hội dưới hình thức "lợi tức" và "lợi nhuận", là một hình thức phân phối hợp pháp và phải được bảo hộ của pháp luật đối với những thu nhập hợp pháp đó.

2.4.2.2.3. Nội dung của phân phối theo tài sản hay vốn và những đóng góp khác

- Phán pháúi theo vầun hoảuc giaỉ trờ tài saín lai nguyãn tàõc phán pháúi thu nháúp dæua trờn cả sáỉ sáỉ hæu giaỉ trờ tài saín hay vầun àoing goíp vaio quaỉ trờnh saín xuáút kinh doanh.

Thæuc cháút, ááy chờnh lai hẻnh thæic phán pháúi theo quyãõn sáỉ hæu lao áãung quaỉ khæi áãø nháun mãüt pháõn saín pháõm thầung dæ.

- Trong nãõn kinh tấu còin nhiãõu thàinh pháõn kinh tấu, nhiãõu chấu áãu sáỉ hæu khæic nhau, phæảng thæic kinh doanh khæic nhau dáun áãun phán pháúi cuing khæic nhau.

Vê duú:

+ Áãuỉ vắi thàinh pháõn kinh tấu táúp thãø, dæua vaio sæu àoing goíp cãø pháõn hoảuc lai sæic lao áãung cuáỉ xáỉ viãn mai thæuc hiãun phán pháúi.

. Nãuu goíp vaio lai cãø pháõn thẻ phán pháúi theo cãø pháõn

. Nãuu goíp vaio sæic lao áãung thẻ phán pháúi dæua trờn cả sáỉ káút quaỉ lao áãung

+ Áãuỉ vắi thàinh pháõn kinh tấu tæ baín Nhai nẻãic, viãuc phán pháúi dæua trờn sæu àoing goíp vầun, cãø pháõn dẻãi hẻnh thæic lắuỉ tẻic cãø pháõn.

. Lắuỉ tẻic cãø pháõn trong tæ baín Nhai nẻãic chờnh lai pháõn còin lắuỉ cuáỉ báu pháun giaỉ trờ mắi (v + m) sau khi áãi kháuu trẻi khoáin tráỉ cẻng cho cẻng nhán vai ngẻãi quáin lý, khoáin nắp thuáú cho Nhai nẻãic.

+ Áãuỉ vắi thàinh pháõn kinh tấu tæ baín tẻ nhán thẻ viãuc phán pháúi dæua theo sắu læãung tẻ baín vai giaỉ cáỉ sæic lao áãung.

- Tẻic duing cuáỉ viãuc thæuc hiãun hẻnh thæic phán pháúi nằy:

+ Khai thẻic tắuỉ áã moúi tiãõm nằng vắo vầun trong cằic thàinh pháõn kinh tấu vai trong moúi táõng lắp dán cẻ

+ Goíp pháõn hẻnh thàinh thẻ trẻãing vầun cằic loaủ- mãüt trong nhẻing áiãõu kiãun cỏn thiáút cho sæu phẩt triãõn kinh tấu hằng hoải áỉ nẻãic ta trong giai áõaun hiãun nằy.

- Chuỉ yỉ khi thæuc hiãun hẻnh thæic phán pháúi nằy: Trong TKQÁ, cằic hẻnh thæic sáỉ hæu, cằic thàinh pháõn kinh tấu khẻng chẻ tắõn tắuỉ mãüt cằic biãút lắp, mai còin cỏi sæu áãn xen nhau, do áõi trong thæuc tấu, mãüt áãn vẻ

sản xuất kinh doanh cơ sở tiếp dùng nhiều hình thức phân phối khác nhau.

Vê du: Trong thành phần kinh tế tập thể xã tiếp dùng hình thức phân phối theo lao động, xã tiếp dùng hình thức phân phối theo vốn góp...

- Phương thức thực hiện:

Hình thức phân phối này được thực hiện qua các hình thức thu nhập là lợi nhuận, cổ tức, lợi tức cho vay và tô tức

2.4.2.3. Phân phối ngoài thù lao lao động thông qua các quỹ phúc lợi xã hội

2.4.2.3.1. Tính tất yếu của việc phân phối ngoài thù lao lao động thông qua các quỹ phúc lợi xã hội

Nếu như phân phối theo lao động và phân phối theo vốn hay tài sản và những đóng góp khác được xem là tất yếu, là biện pháp thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển và tạo lập được sự công bằng giữa mọi thành viên trong xã hội. Tuy nhiên với bản chất nhân đạo từ ngàn đời: “ thương người như thể thương thân ” thì việc chỉ thực hiện các hình thức phân phối trên thì chưa phản ánh được hết những gì ưu việt của chủ nghĩa xã hội đem lại. Song trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, sản phẩm sản xuất ra chưa thể đáp ứng hết mọi nhu cầu thì việc phân phối cho những người vì lẽ này hay lẽ khác không thể tham gia vào lao động được trả công của xã hội là một điều tất yếu.

Với bản chất của chế độ XHCN và mục tiêu đảm bảo cho các thành viên trong xã hội có điều kiện phát triển, cùng với đó là xu hướng toàn cầu vì một thế giới tốt đẹp hơn thì việc phân phối ngoài thù lao lao động đang ngày càng được chú trọng quan tâm hơn, không chỉ vì để ổn định chính trị mà còn vì đạo lý tốt đẹp từ ngàn đời xưa.

2.4.2.3.2. Yêu cầu và tác dụng của việc phân phối ngoài thù lao lao động thông qua các quỹ phúc lợi xã hội

Muốn thực hiện có hiệu quả trước tiên phải đảm bảo những nhu cầu thiết yếu về vật chất cho các thành viên trong xã hội. Mặt khác, ngay mức sống của cán bộ công nhân viên chức nhà nước và những người làm việc trong tất cả các thành phần kinh tế cũng không chỉ dựa vào tiền công cá nhân mà còn dựa vào một phần các quỹ phúc lợi công cộng của nhà nước, của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

Việc phân phối ngoài thù lao lao động sẽ ngày càng được chú trọng hơn khi nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay thì việc phân phối này chưa phải là phân phối theo nhu cầu như trong giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản mà C.Mac đã dự đoán. Đây là một hình thức phân phối quá độ, nó phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Hình thức phân phối này là sự bổ sung cần thiết và quan trọng đối với nguyên tắc phân phối theo lao động. Nó thích hợp nhất với việc thoả mãn những nhu cầu công cộng của xã hội. Nó có lợi trước hết cho những gia đình có thù lao lao động tương đối thấp. Nó chẳng những bảo đảm cho các thành viên xã hội có mức sống bình thường tối thiểu mà còn có tác dụng kích thích lao động sản xuất, kích thích sự phát triển toàn diện của mọi thành viên xã hội.

Bằng những tác dụng to lớn của hình thức phân phối này nó khẳng định việc xây dựng các quỹ phúc lợi xã hội là việc làm cần thiết và ngày càng có ý nghĩa to lớn. Đảng ta rất coi trọng việc mở rộng dần các sự nghiệp phúc lợi xã hội với hai mục tiêu lớn, đó là: Coi mục tiêu và động lực chính cho sự phát triển xã hội là vì con người, do con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của các chính sách và chương trình phát triển xã hội. Khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể và cả cộng đồng coi trọng lợi ích cá nhân người lao động, xem đó là động lực trực tiếp để phát triển kinh tế xã hội. Thêm vào đó nó đảm bảo sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Bởi phát triển kinh tế là điều kiện thực hiện chính sách xã hội, nhưng chính sách xã hội lại là sự cụ thể hoá mục đích của các hoạt động kinh tế, do đó cần phải kết hợp tốt mọi

hình thức nhằm đảm bảo việc phân phối có hiệu quả bằng cách huy động mọi khả năng của nhà nước và nhân dân, trung ương và từng địa phương cùng làm.

- Phương thức thực hiện:

Hình thức này được thực hiện trong quá trình phân phối lại thu nhập quốc dân, qua các dạng thu nhập là tiền phúc lợi, trợ cấp khó khăn, trợ cấp mất việc, trợ cấp thôi việc, trợ cấp thất nghiệp, bồi thường của bảo hiểm... ngoài ra nó còn được thực hiện qua hình thức thuế, giá cả và các chính sách xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn thì hình thức phân phối này chỉ được thực hiện có mức độ.

Như vậy việc thực hiện cả ba hình thức phân phối cơ bản là cần thiết và tất yếu để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa – hiện đại hoá. Nếu như phân phối theo lao động được xem là giữ vai trò chủ đạo, thì phân phối ngoài thù lao lao động thông qua các quỹ phúc lợi xã hội ngày càng trở nên quan trọng trong quá trình phát triển xã hội và phân phối theo tài sản hay vốn và những đóng góp khác cũng càng trở nên quan trọng hơn trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

2.4.3. Tàeng bæăic thăuc hiău căng bàong xăi hăui trong phăn phăui thu nhăp căi nhăn

- Năăc ta quăi âău lăn CNXH tăi măut năăc kăim phăit triăon, do ôi sêu băt bệnh âăong trong phăn phăui thu nhăp lăi khăich quan.

- Sêu nghiăúp xăy dăung CNXH lăi phăi côi tiăon âăo vai biăun phăip âăo tăeng bæăic xoăi boi sêu băt bệnh âăong trong phăn phăui thu nhăp căi nhăn.

* Muăun âăut âăăc âiăou ôi thệ căon phăi:

- Taúo cả háüi cho móüi ngæãli coi viãúc laim , viãúc laim ááöy áuí vai háüp lyĩ

- Cáön pháüi pháüt triãøn læúc læãüing saín xuáút, náng cao náng suáút lao áãüing, saín pháøm laim ra nhiãöu thç máüi coi saín pháøm phán pháüi cho cai nhán. Nãúu thæüc hiãün phán pháüi bçnh ááóng trong áüãöu kiãün cuái caií váút cháút quai ngheio nain thç chè chia áãöu sæü ngheio khãø mai thãü.

- Tæing bæãic hoain thiãün QHSX:

+ Hoain thiãün chçnh saích tiãön cãng, tiãön læång, cháúng chúí nghiaí bçnh quán vai thu nháúp báút háüp lyĩ, báút chçnh.

+ Ngàn ngæai chãnh læüch quai áãüing vãö mæic thu nháúp cai nhán vai sæü phán hoai xái háüi thainh hai cæüc áãüi láúp, áüãöu tiãút vai phán pháüi laüi háüp lyĩ thu nháúp cai nhán.

+ Khuyãün khçch laim giaüu háüp phaüp áü áüi váüi xoai áüüi giaím ngheio

- Nhai næãic pháüi äøn áënh kinh táú vé mã: äøn áënh thë træãing vai giai cai, äøn áënh tyí giai VND

2.5. CÁC HÌNH THỨC THU NHẬP TRONG TKQĐ Ở VIỆT NAM

2.5.1. *Tiãön læång, tiãön cãng*

- Tiãön læång lai pháön thu nháúp quãúc dán duing áãø phán pháüi cho ngæãli lao áãüing dããüi hçnh thæic tiãön táú, càn cæi vaio säü læãüing vai cháút læãüing lao áãüing cuái tæing ngæãli.

- Coi 2 hçnh thæic tiãön læång:

+ Tiãön læång theo thãüi gian: trái theo tuãön hoãuc theo thaüing.

+ Tiãön læång theo saín pháøm: càn cæi vaio säü læãüing, cháút læãüing saín pháøm; ngoai ra coin áæãüc thæüc hiãün trong qua hçnh thæic khoaïn tæing pháön viãúc, hoãuc khoaïn goün cãng trçnh.

Tuyi theo tæing ngàinh nghãö, quy mã, cãng nghãü mai äüp duing sao cho phui háüp.

- Tiãön læång áæãüc xem xáút trãn hai màüt:

+ Tiãön læång danh nghiaí: tæic lai thu nháúp mai ngæãli lao áãüing nhãün áæãüc sau khi laim viãúc, dããüi hçnh thæic tiãön táú.

+ Tiãøn læång thæüc tấu: chênh lai khăúi læåüng tæ liãuu sinh hoaüt mai ngæài lao äåüng mua âæåüc bàòng tiãøn læång danh nghĩai.

. Thæüc tấu, ngæài lao äåüng thæåing quan tám tiãøn læång naiy.

. Noi pháin aĩnh åuĩng cuåüc säüng ngæài lao äåüng.

. Noi phuû thuåüc vaio sæic mua cuai äåöng tiãøn vai sæu biãún äåüng giaĩ cai cuai tæ liãuu sinh hoaüt, âåüc biãüt lai giaĩ cai cuai nhæĩng tæ liãuu sinh hoaüt chuí yãuu, trong khi åoĩ tiãøn læång danh nghĩai khäng thay äåoĩ (giai äënh)

Våüy, trong TKQÄ cáön váün duüng hçnh thæic pháin pháúi theo lao äåüng vai pháum truì tiãøn læång thäng qua viãüc xäic äënh åuĩng äåöng chênh säich tiãøn læång trong tæing thåi kyì.

* Tiãøn cäng lai hçnh thæic trái cäng cho ngæài lao äåüng trong caĩc tæo chæic kinh tấu, caĩc åân vë tæ nhán, cai thãø,... ngoai hãu thåüng do Nhai næic trái læång.

Tiãøn cäng biãún äåüng phuû thuåüc chuí yãuu vaio quan hãu cung - cáöu vãö caĩc loaui lao äåüng trăn thë træåing lao äåüng. Ngoai ra coĩn phuû thuåüc vaio äëa vë ngæài lao äåüng, säü læåüng, cháút læåüng vai kãüt quai lao äåüng...

2.5.2. Thu nháúp tæi caĩc quyì tiãu duüng cäng cåüng

- Bàöt nguãön tæi nguyãn tàöc pháin pháúi ngoai pháin pháê theo lao äåüng thäng qua quyì phuic lãui táúp thãø vai xai hãui:

+ Ngæài lao äåüng ngoai tiãøn læåüng nháün âæåüc qua hçnh thæic pháin pháúi theo lao äåüng, coĩn nháün âæåüc khoaĩn thu nháúp tæi quyì cäng cåüng do xê nghiãúp hoåüc do xai hãui mang laui nhæ: tráü cáúp khoĩ khàn, sinh åeĩ, åüm åau...

+ Caĩc táöng lãip dán cæ khäic âæåüc caĩc khoaĩn nhæ: tiãøn hæu trê cuai ngæài nghè hæu, tiãøn tráü cáúp nuãi dæåĩng ngæài giai...

- Khoaĩn thu nháúp naiy coĩ taic duüng:

+ Giaĩm bãit khoĩ khàn cho ngæài lao äåüng nháüt lai khi tiãøn læång danh nghĩai coĩn tháúp, do nàng suåüt lao äåüng áĩ næic ta chæa cao.

+ Goïp pháõn giaíi quyãút cuãuc säung khoĩ khàn cuái nhæíng ngæãli khäng coĩ khai nàng lao äãüng.

2.5.3. Lãüi nhuãün, lãüi tæic, lãüi tæic cãø pháõn

- Caĩc khoãin thu nhãúp naỳ äæãuc hçnh thahnh tæi nguyãn tàõc phán pháüi theo vãun.

- Tæäng æíng vãii caĩc loaüi vãun chuí yãúu coĩ caĩc hçnh thæic thu nhãúp sau:

+ Äãüi vãii vãun tæü coĩ cuái caĩc chuí doanh nghiãúp cuíng nhæ vãun cãø pháõn cuái caĩc cãø äãng trong caĩc cãng ty cãø pháõn, sau tæíng chu kyì saín xuãút kinh doanh, äem laüi cho caĩc chuí sãí hæüu caĩc nguãõn vãun trãn hçnh thæic thu nhãúp lai lãüi nhuãün, lãüi tæic cãø pháõn.

+ Äãüi vãii vãun vay, thu nhãúp tæi nguãõn vãun naỳ goüi lai lãüi tæic hay lãüi tæic cho vay.

. Lãüi tæic cao hay thãúp tuyì thuãüc vaio tãøng säú vãun cho vay vai tyí suãút lãüi tæic (lãn, xuãúng theo sæü biãün äãüng cuái quan hæü cung- cáõu vãõ tiãõn cho vay vai sæü äiãõu tiãút cuái Nhaì næãic äãüi vãii læu thãng tiãõn màüt vai kiãõm chãú laúm phaít trong tæíng thãii kyì).

2.5.4. Thu nhãúp tæi hoaüt äãüng kinh tãú gia äçnh

- Äáy lai màüt hçnh thæic thu nhãúp äãuc biãüt:

+ Táun duüng äæãuc thãii gian ngoali giãi cuái ngæãli lao äãüng laim viãüc trong caĩc xê nghiãúp, cãng sãí, caĩc tãø chæic kinh tãú táúp thãø hoãuc cuái nhæíng ngæãli lao äãüng tæü do.

+ Væia liãn quan væia khäng liãn quan äãün chuí thãø tham gia quan hæü phán pháüi theo lao äãüng.

- Äáy lai khoãin thu nhãúp khäng noĩ trong tãøng säú thu nhãúp cuái ngæãli lao äãüng.

- Hçnh thæic thu nhãúp naỳ cuíng vãii caĩc hçnh thæic thu nhãúp khaiç dãüa trãn caĩc nguyãn tàõc phán pháüi äãi trçnh baỳ giuíp ta càõt nghiãi 1 hiãün tæãüng thæüc tãú lai:

Vợ sao tiãõn læảng danh nghĩa củai cãĩn bãũ cãĩng nhán viãn chæĩc Nhại næảĩc tháủp nhæĩng ảảĩi sảũng củai hoũ cõĩ phảõn ảõn ảẽnh vai ảẽảũc cãĩi thiãũn hản.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày khái niệm và nội dung của phân phối.
2. Phân tích khái niệm, bản chất và vai trò của quan hệ phân phối.
3. Phân tích các hình thức phân phối thu nhập cơ bản ở nước ta hiện nay.
4. Phân tích các hình thức thu nhập trong TKQĐ lên CNXH ở VN.

Câu hỏi thảo luận

1. Thực trạng và một số giải pháp nhằm nâng cao tiền lương, tiền công của người lao động trong TKQĐ lên CNXH ở VN hiện nay.

CHƯƠNG III

NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM HOÀN THIỆN QUAN HỆ PHÂN PHỐI Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG CỦA QUAN HỆ PHÂN PHỐI Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIAN QUA

3.1.1 QUAN HỆ PHÂN PHỐI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ NỀN KINH TẾ CÙNG NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG TIẾN BỘ

Mỗi hình thái kinh tế xã hội sẽ quyết định các hình thức sở hữu khác nhau đồng thời cũng quy định những hình thức phân phối nhất định. Thông qua phân phối trong nền KTTT định hướng XHCN, ở nước ta đã hình thành các hình thức thu nhập khác nhau của các tầng lớp dân cư. Đồng thời nó cũng phản ánh thành quả của từng cá nhân cũng như của toàn xã hội đã đạt được, các hình thức thu nhập thường đi liền với các hình thức phân phối.

Với một nền kinh tế đang vận hành theo một quỹ đạo đã định, theo xu hướng mở rộng hội nhập đa phương hoá, đa dạng hoá những mối quan hệ, thì vấn đề phân phối thu nhập như thế nào để nó vừa là động lực cho phát triển kinh tế xã hội, vừa đảm bảo tính công bằng xã hội. Nó đòi hỏi phải có những chính sách hợp lý và đang là một thách thức to lớn đối với Đảng và Nhà nước ta.

- Trước tiên ta cần xem xét vai trò của nó dưới các phương diện khác nhau bởi phân phối thu nhập có ảnh hưởng to lớn đối với sản xuất. Mac đã từng nói tới vai trò của phân phối đối với sản xuất, trên phương diện phân phối trực tiếp các yếu tố cho quá trình sản xuất, nó nối liền sản xuất với sản xuất.

Điều đó có nghĩa là nó đảm bảo các yếu tố đầu vào cho doanh nghiệp, đảm bảo các nguồn lực cho sản xuất kinh doanh để cung cấp hàng hoá trên thị trường sản phẩm. Sự phân phối các nguồn lực diễn ra thông suốt sẽ đảm bảo quá trình tái sản xuất được tiến hành một cách liên tục.

- Mặt khác, phân phối thu nhập quyết định tiêu dùng của các chủ thể yếu tố sản xuất. Thông qua phân phối thu nhập các chủ thể yếu tố sản xuất có được thu nhập để mua hàng tiêu dùng và dịch vụ trên thị trường hàng tiêu dùng và dịch vụ.

Về cơ bản quy mô của phân phối quyết định quy mô của tiêu dùng. Các chủ thể nhận được thu nhập nhiều thì mức tăng tiêu dùng sẽ càng cao hơn về tuyệt đối.

- Kể từ sau đại hội Đảng VI năm 1986 chúng ta đã từng bước xóa bỏ cơ chế bình quân bao cấp, thực hiện chế độ phân phối theo nguyên tắc thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua các quỹ phúc lợi xã hội đi đối với chính sách điều tiết hợp lý nhằm bảo hộ quyền lợi người lao động.

Nguyên tắc phân phối theo lao động đã phát huy tác dụng trong khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể.

+ Trong các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu của nhà nước, phân phối theo lao động động biểu hiện dưới hình thức tiền lương

+ Các doanh nghiệp thuộc sở hữu tập thể, phân phối theo lao động biểu hiện dưới tiền công lao động. Bên cạnh đó còn tồn tại các hình thức thu nhập khác như lợi tức, lợi tức cổ phần và thu nhập từ các quỹ tiêu dùng công cộng.

- Trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường chúng ta thừa nhận sức lao động là hàng hoá, nó có thể được đem bán trên thị trường các yếu tố sản xuất.

Một khi sức lao động trở thành hàng hoá thì người có sức lao động hoàn toàn có quyền tự do bán sức lao động của mình theo những hợp đồng lao động nhất định và khi đó các chủ doanh nghiệp sử dụng lao động phải trả công cho họ theo đúng những hợp đồng đã ký, nhà nước chỉ được phép bảo vệ khi có sự vi phạm luật đối với người lao động. Sau quá trình làm cho các chủ doanh nghiệp hoặc các tổ chức kinh tế quốc doanh, người lao động thu được thu nhập gắn với kết quả lao động của họ. Về nguyên tắc khoản thu nhập đó phải tương xứng với số lượng lao động và chất lượng lao động mà mỗi người đóng góp. Số thu nhập theo lao động đó chính là tiền lương hay tiền lương chính là hình thức thu nhập theo lao động.

- Cùng với cơ chế thị trường định hướng XHCN thì tiền lương là một phạm trù kinh tế, là biểu hiện của bộ phận cơ bản cần thiết được tạo ra trong doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc doanh để đi vào tiêu dùng cá nhân của người lao động, tương ứng với số lượng lao động và chất lượng lao động mà họ đã hao phí trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Trong cơ cấu tiền lương bao gồm hai phần: tiền lương cơ bản và tiền lương bổ sung (tiền thưởng).

Trong đó tiền lương cơ bản phụ thuộc vào thang lương, bậc lương của từng đối tượng, phần tiền thưởng phụ thuộc vào kết quả hoạt động của đơn vị.

Việc xác định hợp lý và chính xác các bậc lương, ngạch lương theo từng ngành và theo từng khu vực có tính đến trình độ chuyên môn và điều kiện lao động có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Điều đó thúc đẩy người lao động quan tâm hơn nữa tới việc hoàn thành công việc được giao, và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ tay nghề vì chính lợi ích của bản thân, đồng thời góp phần nâng cao trình độ lực lượng của toàn xã hội.

+ Trong quá trình sử dụng tiền lương được phân biệt thành tiền lương danh nghĩa và tiền lương thực tế.

Nếu tiền lương danh nghĩa là tiền lương mà người lao động nhận được dưới hình thức tiền tệ còn tiền lương thực tế được biểu hiện bằng số liệu tư liệu sinh hoạt và người lao động được sử dụng. Mức tiền lương thực tế chỉ rõ số lượng vật phẩm tiêu dùng và dịch vụ mà người lao động có thể mua được bằng tiền lương danh nghĩa của mình.

Sự biến động của tiền lương thực tế chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: việc tăng giá cả của hàng hoá, tăng thuế, tăng chi phí vận chuyển ... những nhân tố này sẽ hạ thấp giá trị của tiền lương thực tế.

Chính vì vậy mà trong thời gian vừa qua nhà nước ta đã chú trọng tới việc tăng các mức lương tối thiểu, tăng trợ cấp hưu trí, tăng các khoản phụ cấp và các khoản thu nhập bằng tiền khác cho người lao động để giá trị của tiền lương thực tế không bị giảm dần theo thời gian. Việc tăng tiền lương được thể hiện trên cơ sở không ngừng phát triển sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm đầy đủ.

- Trong cơ chế thị trường định hướng XHCN thì vai trò của nhà nước là vô cùng quan trọng, cụ thể là: nhà nước trực tiếp định mức lao động, trực tiếp định mức tiền lương, duyệt quỹ tiền lương, quy định thang lương, bảng lương, bậc lương cụ thể cho các doanh nghiệp nhà nước (chiếm đa số trong nền kinh tế quốc dân) phải thực hiện.

Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp tư nhân tiền lương là chỉ số đánh giá hiệu quả của sản xuất kinh doanh, cùng nhiều chỉ tiêu khác, nhà nước chi không chế tiền lương tối thiểu không không chế tiền lương tối đa.

Chính sách tiền lương được coi là một bộ phận quan trọng trong hệ thống các chính sách kinh tế xã hội, tác động trực tiếp đến đời sống của những người làm công ăn lương, đến đời sống của những người dân trong xã hội. Đồng thời chính sách tiền lương còn ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất, đến mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, đến quan hệ giữa các tầng lớp lao động, giữa các ngành nghề, các khu vực, đến động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế, đến năng suất và hiệu quả công tác, đến vấn đề ổn định chế độ chính trị xã hội.

Chính vì lẽ đó nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến cải cách và hoàn thiện chế độ tiền lương để làm sao vừa đảm bảo công bằng vừa là động lực để các thành viên trong xã hội không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Trong nền kinh tế thị trường, các nhà sản xuất kinh doanh ngoài phân thu nhập tiền lương, còn khoản thu nhập khác đó là lợi nhuận và phần này ngày càng tăng lên và chiếm ưu thế trong tổng thu nhập.

+ Chuyển sang cơ chế thị trường, việc nhà nước cho phép các doanh nghiệp theo cấu thành giá thành và lợi nhuận đó là lãi bình quân. Và trong nền KTTT cái mà các nhà sản xuất quan tâm trước hết là lợi nhuận mà thông qua đó hiệu quả của sản xuất kinh doanh được phản ánh.

+ Lợi nhuận là chênh lệch giữa doanh thu bán hàng với tổng chi phí. Tuy nhiên để có được lợi nhuận cần phải có vốn để mua các nguồn lực đầu vào như vậy lợi nhuận là sự trả công cho những ai dám mạo hiểm vay vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh và những ai sử dụng có hiệu các nguồn lực đầu vào có hiệu quả (giảm được chi phí để thu được lợi nhuận cao nhất).

+ Chính lợi nhuận đã đưa các doanh nghiệp đến khu vực sản xuất các hàng hoá mà người tiêu dùng cần nhiều hơn và lợi nhuận cũng khiến các doanh nghiệp áp dụng khoa học kỹ thuật một cách rộng rãi và hiệu quả nhất. Thông qua quá trình sản xuất và tiêu thụ hàng hoá các doanh nghiệp thu được lợi nhuận

và nguồn thu nhập đó được trích một phần để trả cho quyền sử dụng tư bản. Và như vậy lợi nhuận là nguồn gốc của hai loại thu nhập hợp pháp ở nước ta hiện nay đó chính là lợi tức cổ phần và lợi tức.

- Những người sở hữu vốn hay tài sản khi bán quyền sử dụng cho các doanh nghiệp hay các tổ chức kinh tế sẽ được trả lợi tức vì vậy lợi tức cũng là một hình thức thu thu nhập của dân cư.

+ Xét về nội dung kinh tế thì lợi tức là một trong những hình thức chuyển hoá của giá trị thặng dư và nguồn gốc của lợi tức là lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phần còn lại được các doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế giữ lại dưới hình thức thu nhập doanh nghiệp.

+ Giá cả của mức tiền vay thể hiện ở mức lợi tức – là tỷ lệ phần trăm giữa số lợi tức và số tiền cho vay. Mức thực tế của tỷ suất lợi tức do quan hệ giữa cung và cầu về lượng tiền tệ cho vay ở từng giai đoạn khác nhau.

+ Theo nhận định của các nhà kinh tế học để huy động được vốn đầu tư nước ngoài thì vốn trong nước huy động phải cao gấp 1,5 lần vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cần huy động (FDI).

Trên thực tế dân cư luôn có một khối lượng tiền tệ nhàn rỗi dưới nhiều hình thức: tiền mặt, kim khí quý, ngoại tệ ... Với một khối lượng lớn như vậy cần phải có chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển sản xuất đang ngày càng được chú trọng.

Khi đầu tư vào các doanh nghiệp họ sẽ thu được lợi tức, như vậy lợi tức đã trở thành một hình thức thu nhập hợp pháp không chỉ phù hợp trong TKQĐ ở nước ta mà còn tạo thu nhập cho nhiều tầng lớp dân cư khác trong xã hội, thông qua việc đầu tư mở rộng sản xuất từng bước thoả mãn nhu cầu của người dân.

- Trong TKQĐ ở nước ta đã xuất hiện các doanh nghiệp và các công ty cổ phần trong nhiều ngành và nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau. Đó là xu hướng hợp với quy luật, phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ chế mới ở nước ta.

Thu nhập mà các chủ đầu tư cổ phiếu nhận được là lợi tức cổ phần. Lượng lợi tức cổ phần này phụ thuộc vào thu nhập của doanh nghiệp trong năm.

Hiện nay nhà nước ta cho phép thành lập và mở rộng các công ty cổ phần nhằm thu hút một khối lượng lớn vốn nhân rỗi hoặc sử dụng kém hiệu quả vào việc phát triển sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp và cả cá nhân người lao động đều có quyền mua cổ phiếu để nhận được lợi tức cổ phần dựa trên những đóng góp của mình vào thành quả chung của doanh nghiệp.

3.1.2 QUAN HỆ PHÂN PHỐI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI

Cùng với quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, đòi hỏi tất yếu phải đổi mới các chính sách kinh tế xã hội cho phù hợp với cơ cấu và cơ chế mới của nền kinh tế. Trong đó chính sách tiền lương và tiền công lao động là đặc biệt quan trọng vì nó thể hiện quan điểm của Đảng và nhà nước trong sự hình thành và phân phối thu nhập trong điều kiện của nền kinh tế thị trường ở nước ta. Để đánh giá được thực trạng phân phối ở nước ta hiện nay ta sẽ đi sâu vào việc phân tích thực trạng của chính sách tiền lương, tiền công ở nước ta trong những năm vừa qua.

3.1.2.1. Hạn chế trong quá trình thực hiện các nguyên tắc phân phối

Từ sau khi quyết định đổi mới đến nay nước ta đã áp dụng các hình thức phân phối vừa theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế vừa theo mức đóng góp vốn, trong đó lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Nếu như trong thời kỳ trước, ta xác định sự cống hiến bằng sức lao động của mỗi người cho xã hội căn cứ vào thời gian lao động, vào trình độ và khả năng của người lao động dẫn đến việc phân phối mang tính chất bình quân thì trong giai đoạn đổi mới chúng ta chủ trương xác định sự cống hiến căn cứ vào kết quả và hiệu quả lao động.

- Hiệu quả lao động là chỉ tiêu không những phản ánh được lượng mà còn phản ánh được chất và phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố chứ không chỉ phụ thuộc vào trình độ và khả năng của người lao động cũng như khả năng của người lao động.

- Việc lấy hiệu quả lao động làm căn cứ để xác định sự công hiến bằng sức lao động của từng người đã giảm bớt được sai lầm chủ quan khi thực hiện tính toán theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

- Tuy nhiên một thực tế là nhiều doanh nghiệp nhà nước còn ỷ lại và trông chờ vào nhà nước, các doanh nghiệp không báo cáo thực tế hiệu quả làm ăn của doanh nghiệp.

+ Đặc biệt là tình trạng xin hạ mức kế hoạch để hoàn thành vượt chỉ tiêu nhằm tạo điều kiện thuận lợi để vay vốn của nhà nước hay xin cấp thêm kinh phí ...

+ Ngoài ra có thể kể đến những thủ đoạn trốn thuế thông qua các báo cáo tài chính sai lệch, nhờ đó một bộ phận nhỏ cán bộ đã có được những khoản thu nhập bất hợp pháp không phù hợp với những đóng góp của bản thân họ.

+ Nguy hiểm hơn nữa là chính những việc làm đó làm đình trệ nền sản xuất, gây ra nhiều bất công khác trong xã hội, xuất hiện ngày càng nhiều tình trạng quan liêu tham nhũng, bòn rút của cải của nhà nước và nhân dân lao động, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Và một thực tế khác là nhiều người có tài không được sử dụng, phần lớn đội ngũ cán bộ đều là con cháu của những người trong ngành hoặc cán bộ ở các cơ quan khác, thêm vào đó là tình trạng kéo bè kéo cánh làm các doanh nghiệp không còn đơn thuần vì mục đích kiếm lời mà còn vì nhiều mục đích khác.

3.1.2.2. Quá trình thực hiện chính sách tiền lương còn nhiều bất cập

Trong những năm vừa qua chính sách tiền lương ở nước ta thường xuyên được cải tiến đổi mới. Từ khi ban hành nghị định 235/HĐBT tháng 9 năm 1985 đến đầu năm 1993 nhà nước đã điều chỉnh đến 21 lần. Tháng 4 năm 1993 thực

hiện cải cách chính sách tiền lương ban hành nghị định 25/CP và 26/CP về chế độ tiền lương cho công nhân viên chức khu vực hành chính sự nghiệp và sản xuất kinh doanh tuy nhiên các thang bảng lương và cơ chế quản lý chưa có nhiều thay đổi. Chính vì lý do đó mà chính sách tiền lương ở nước ta còn tồn tại nhiều hạn chế.

- *Trước hết*, là diện hưởng ngân sách nhà nước còn quá rộng, cơ cấu bất hợp lý và vẫn mang nặng tính chất bao cấp.

Hiện nay có tám đối tượng hưởng lương phụ cấp, trợ cấp mang tính chất lương từ chính sách nhà nước gồm: cán bộ công chức hành chính, cán bộ công chức khối sự nghiệp, cán bộ công chức khối cơ quan Đảng và đoàn thể, cán bộ công chức khối cơ quan dân cử, cán bộ cấp xã phường, cán bộ chiến sĩ khối lực lượng vũ trang, công an, an ninh..., các đối tượng bảo hiểm xã hội hưu trí mất sức, những người có công, thương binh bệnh binh, gia đình liệt sĩ.

Tính đến tháng 12 năm 1999 tổng các đối tượng là 6,2 triệu người chiếm 8% dân số, trong đó 66,9% thuộc nhóm hưu trí và các chính sách xã hội. Số cán bộ công nhân viên chức đang làm việc chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ lại hoạt động không hiệu quả, còn hoang phí trong việc sử dụng tiền của nhà nước để phục vụ cho mục đích cá nhân.

- *Thứ hai*, là mức tiền lương tối thiểu còn quá thấp cho đến trước 1/1/2004. Đối với đội ngũ cán bộ công chức nhà nước (mức lương được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu) thì tiền lương chỉ chiếm từ 21 đến 38% thu nhập (thống kê của tổ chức ILO) đã dẫn đến hiện tượng tiền lương chỉ còn là danh nghĩa và chủ yếu dùng làm căn cứ đóng bảo hiểm.

Người lao động không quan tâm đến hiệu quả công việc của chính mình, dành nhiều thời gian, sức lực và trí tuệ cho các công việc khác để tăng thêm thu nhập, xuất hiện nhiều nguồn thu nhập bất hợp pháp khác gây mất công bằng xã hội, nhưng vẫn ngang nhiên được xem như là thu nhập một cách chính đáng.

- *Ba là*, mặc dù lương tối thiểu và lương tối đa chênh lệch nhau hơn 10 lần, tưởng chừng như khắc phục được tính chất bình quân trong phân phối,

nhưng do sự chi tiết đến thái quá làm cho tiền lương rơi vào tình trạng bình quân chủ nghĩa.

+ Khoảng cách giữ các bậc lương quá ngắn, thấp nhất là 0,09 và cao nhất là 0,43 bên cạnh đó lại còn quá nhiều bậc lương gây nên sự phức tạp không cần thiết.

+ Ví dụ như: khu vực hành chính sự nghiệp hiện có 21 bảng lương và 196 thang lương tương ứng với 196 ngạch công chức. Hiện tượng không bao giờ đạt đến hệ số lương cao nhất là phổ biến. Cơ chế quản lý tiền lương hiện nay còn bộc lộ hàng loạt những yếu điểm quan trọng.

. Trước hết tiền lương chưa gắn với trách nhiệm và kết quả lao động.

. Chúng ta vẫn chủ yếu trả lương theo thâm niên công tác, theo bậc chức vụ trả lương theo chức vụ và gắn liền với nó là trách nhiệm, kết quả lao động, thậm chí nó không tác động gì đến mức lương của người lao động trong khu vực hành chính sự nghiệp. Và cho đến thời điểm này mà nói thì việc phân phối theo lao động vẫn chưa được thực hiện như bản chất của nó.

+ Mặt khác, tiền lương thực tế vẫn chưa làm được chức năng tái sản xuất sức lao động, nhiều chức danh theo bảng lương thậm chí không thể chu cấp đủ để ăn, chưa kể đến việc chúng ta đã thực hiện tiền tệ hoá các khoản như tiền nhà, tiền chữa bệnh, tiền điện nước, điện thoại ... vào lương. Hơn nữa mỗi lần điều chỉnh mức lương tối thiểu là mỗi lần đấu tranh giằng co giữa đòi hỏi tất yếu, bức bách từ cuộc sống với hạn chế của ngân sách tài chính. Chính điều đó đã làm các khoản thu nhập bất hợp pháp dường như được thừa nhận một cách "chính đáng".

+ Thêm vào đó, sự bất cập về tiền lương đối với nhu cầu của cuộc sống đang để ra nghịch lý. Hầu như mọi người đều biết rằng mức lương hiện nay là không đảm bảo được cuộc sống bình thường. Chênh lệch về thu nhập giữa các ngành, các cơ quan, các đơn vị là rất lớn.

. Hiện nay có khoảng 40% số các đơn vị hành chính sự nghiệp của cả nước là hoạt động sự nghiệp. Đó là chưa kể đến việc chênh lệch đến giữa lao động trong biên chế nhà nước với các thành phần kinh tế khác, những chênh lệch và nghịch lý ấy đang là lý do cả về vật chất lẫn ý thức làm cho người lao động coi tiền lương là một khoản thu nhập phụ, không ai sống bằng lương, nhà nước không quản lý được thu nhập và chúng đang gây ra những hiệu quả tiêu cực như: hạch toán sai, báo cáo không đầy đủ, giấu nguồn thu, trốn thuế thu nhập, sử dụng thu nhập mập mờ, tùy tiện, cản trở kiểm tra kiểm soát.

. Điều tệ hại là chúng ta không thể đánh giá được những tiêu cực mà nó gây ra cho xã hội như tạo ra tâm lý lạm dụng của công, xuất hiện nạn tham nhũng tập thể, kéo bè kéo cánh để bao che tìm cách đục khoét của công gây ra sự chia rẽ mất đoàn kết, làm đình trệ sản xuất, không tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng để các thành viên trong xã hội khẳng định mình.

3.1.2.3. Vấn đề lợi nhuận và những nảy sinh trong quá trình quản lý của nhà nước

- Trong thời gian vừa qua nhà nước đã xoá bỏ cơ chế "lãi nhà nước bù, lãi nhà nước thu" nhằm mở rộng quyền tự chủ cho các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh ... Tuy nhiên đa số các doanh nghiệp không chuyên kịp và thích nghi với cơ chế thị trường, phần lớn các doanh nghiệp bị đình đốn, thu hẹp sản xuất hay tạm ngừng sản xuất vì không đủ sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Đây được xem là một tất yếu và hợp với quy luật phát triển.

- Song nhà nước quy định và cho phép các doanh nghiệp tính lợi nhuận (lãi) theo cấu thành giá thành và lợi nhuận (lãi) đó là lãi bình quân. Theo quy định này khi hạch toán các doanh nghiệp được phép tính thuế theo doanh thu là chênh lệch tương ứng giữa doanh thu và chi phí, tưởng chừng như điều đó là đúng nhưng nó đã tạo ra một nghịch lý là: Các doanh nghiệp có xu hướng không muốn để lợi nhuận ở bảng tính toán, trái lại họ tìm mọi cách biến tướng nó để phải nộp ít nhất và được hưởng nhiều nhất. Trường hợp không có tiền trả cho cán bộ công nhân viên, thì họ sẵn sàng giảm khoản lợi nhuận và do đó giảm

phần phải nộp cho nhà nước để tăng doanh thu cho doanh nghiệp, mặt khác nó còn giúp cho doanh nghiệp “tiết kiệm được nhờ thuế” thông qua việc tăng chi phí đầu vào sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Trong số các xí nghiệp đang tồn tại và có nhiều thế mạnh như hiện nay, thực tế hạch toán sòng phẳng, lãi không như công bố, thậm chí lỗ. Nhưng do chính sách, cơ chế hình thành, phân phối thu nhập và lợi nhuận nói riêng ở nước ta còn nhiều hạn chế bất hợp lý, nên đang tạo ra sự phân hoá và bất bình đẳng lớn trong xã hội. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất tạo ra tình trạng “lãi giả, lỗ thật; lỗ giả, lãi thật” ở Việt Nam hiện nay. Cũng từ đó làm nảy sinh một hiện tượng phổ biến khác là có nhiều doanh nghiệp thường tìm cách tăng chi phí để giảm lợi nhuận và do đó giảm phần lợi nhuận trích nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được xem là hoạt động có hiệu quả nhưng lại không đóng góp nhiều cho nhà nước, bởi nhà nước chưa quản lý được thu nhập của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, vì vậy chưa có một căn cứ chính xác để thu thuế. Tình trạng trốn lậu thuế, buôn bán lậu qua biên giới và trong nước, làm hàng giả, núp bóng dưới doanh nghiệp quốc doanh để trốn thuế ... khá phổ biến với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và tư nhân. Điều này làm nảy sinh sự bất bình đẳng lớn trong xã hội. Và nếu nhà nước không có các chính sách quản lý phù hợp thì khó có thể thực hiện tốt các mục tiêu xã hội đã đặt ra.

Như vậy thực tế ở nước ta đòn bẩy kinh tế của lợi nhuận chưa được phát huy với sức mạnh vốn có của nó. Sở dĩ như vậy là vì cơ chế hình thành lợi nhuận không hợp lý. Đồng thời cơ chế phân phối lợi nhuận chưa đủ tạo ra động lực kích thích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển của đất nước nói chung. Thêm vào đó việc hình thành các công ty độc quyền như điện lực, bưu chính viễn thông ... đã làm giảm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài và biến nền kinh tế mang nặng màu sắc chính trị.

3.1.2.4. Quá trình phân phối theo vốn hay tài sản và những đóng góp khác còn diễn ra chậm chạp và gặp nhiều vướng mắc

- Đi liền với các chính sách mở cửa, trong thời gian qua nhà nước ta không ngừng tìm mọi biện pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào phát triển sản xuất, kể cả việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), nhưng hiệu quả thấp vì chưa tạo được hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư đảm bảo được lợi ích của họ. Mặc dù đã cắt giảm nhiều thủ tục hành chính phiền hà, nhưng các chính sách pháp luật vẫn còn chông chéo, hiệu quả sinh lời thấp, nhà nước còn có quá nhiều ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhà nước gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

- Các chính sách huy động vốn của nhà nước như khuyến khích tăng lợi tức và lợi tức cổ phần cho các nhà đầu tư tỏ ra không có hiệu quả. Phần lớn nguồn vốn nhàn rỗi trong dân chưa đi vào vòng chu chuyển, gây ra sự lãng phí lớn và mặc dù số lượng các công ty cổ phần là khá lớn nhưng hoạt động thực sự hiệu quả thì chưa nhiều. Hoạt động mua bán trái phiếu, cổ phiếu, cổ phần vẫn còn rất mới mẻ, thị trường chứng khoán tuy đã mở cửa nhưng hoạt động “cầm chừng”.

- Trước yêu cầu xã hội ngày càng cao về các quỹ phúc lợi và các hoạt động nhân đạo thì thu nhập từ các quỹ phúc lợi xã hội còn thấp. Dẫn đến các khoản tiền trợ cấp, bảo hiểm xã hội và các khoản chi trả khác như chữa bệnh, thưởng thức văn hoá nghệ thuật ... còn hạn chế. Nguyên nhân gây ra tình trạng trên là thu nhập của người dân còn thấp, đa số chỉ đảm bảo cuộc sống vừa đủ, ngoài ra còn có nhiều trường hợp trợ cấp còn không đủ đảm những nhu cầu thiết yếu nhất cho cuộc sống. Trong xã hội số người phải sống trong cảnh nghèo khổ vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn, cho thấy quá trình thực hiện phân phối theo các quỹ phúc lợi xã hội còn nhiều hạn chế.

Qua những thực trạng và tồn tại nêu trên cho chúng ta thấy cần phải có những giải pháp thiết thực hơn để phân phối đảm bảo được công bằng và phát

huy được ưu thế trong thời kỳ quá độ. Dưới đây là một số giải pháp cơ bản để giải quyết những hạn chế đó.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUAN HỆ PHÂN PHỐI Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIAN TỚI

3.2.1 CÁC GIẢI PHÁP PHÂN PHỐI THEO LAO ĐỘNG TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Nhận thức được hiệu quả của quá trình phân phối theo lao động sẽ đảm bảo được công bằng cho các thành phần kinh tế khi tham gia vào quá trình sản xuất, nhưng làm thế nào để phân phối theo lao động thực sự đi sâu vào thực tế lại là một vấn đề hết sức phức tạp trong điều kiện nền kinh tế đang vận động theo cơ chế thị trường, việc quản lý của chính phủ còn nhiều hạn chế.

Như vậy yêu cầu đặt ra là phải có thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể đủ mạnh để làm cơ sở định hướng XHCN. Muốn như vậy nhà nước cần mở rộng cổ phần hoá đối với các xí nghiệp quốc doanh, đồng thời ban bố luật phá sản đối với các xí nghiệp làm ăn thua lỗ. Khi đó các thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể phải tự vươn lên chiến thắng các áp lực trong cạnh tranh và phát triển đủ sức chi phối các thành phần kinh tế khác hoặc sẽ bị các thành phần kinh tế khác lấn át. Nhà nước chỉ can thiệp vào nếu các doanh nghiệp đó bị phá sản bằng cách khôi phục lại sau đó bán lại cho tư nhân (đây cũng là biện pháp đang được các nước tư bản thực hiện khá thành công).

Thứ hai, để hoàn thành mục tiêu xây dựng được cơ sở vật chất cho CNXH nhà nước ta phải tiến hành tuần tự các bước của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá bởi xuất phát điểm đi lên của nước ta là nền kinh tế vẫn mang nặng tính chất nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, kết cấu cơ sở hạ tầng kém phát triển. Mặt khác ta phải có chính sách "đón đầu" để hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học công nghệ thế giới tạo điều kiện cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế. Đảm bảo cho các thành phần kinh tế quốc doanh hoạt động, hỗ trợ đặc

lực cho kinh tế tập thể đủ sức để chi phối, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác theo định hướng XHCN, tạo ra cơ sở để thực hiện phân phối và mở rộng phân phối trong xã hội, từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Trong nền kinh tế hiện nay phải đặc biệt chú trọng đến vai trò của nhà nước, tổ chức bộ máy nhà nước và những con người được tuyển dụng đảm trách công việc nhà nước để làm sao phân phối theo lao động đánh giá được đúng những đóng góp của họ cho xã hội. Cần phải đổi mới tận gốc quan niệm và phương pháp công tác cán bộ, từ khâu đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt tránh tình trạng tuyển chọn người không có năng lực nhưng có mối quan hệ với những người có chức có quyền. Phải dân chủ hoá công tác cán bộ mới tránh được tư thù, phe cánh và đề cao được tính công minh trong việc lựa chọn những nhân tài cho đất nước. Do đó việc cần làm trước mắt là phải chăm lo phát triển, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài đồng thời phải tạo môi trường làm việc thuận lợi để các tài năng đó công hiến sức lực của mình cho xã hội. Trong quá trình đào tạo cần đào tạo chuyên sâu để tạo ra những cán bộ vừa có năng lực, vừa có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống lành mạnh để tạo ra những cán bộ lãnh đạo xứng đáng như lời Bác Hồ dạy: “là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung của dân, chứ không phải để đè đầu dân”.

3.2.2 CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TIỀN LƯƠNG HIỆN NAY

Đối với những người làm công ăn lương, thì tiền lương phải thực là nguồn thu nhập chính để nuôi sống họ, từ đó họ có thể hoàn toàn yên tâm và say mê với nghề nghiệp. Vì vậy, việc giải quyết tốt vấn đề tiền lương sẽ có tác dụng kích thích sản xuất phát triển, ổn định và cải thiện đời sống không chỉ đối với gia đình cán bộ công nhân viên mà còn ảnh hưởng đến mức sống chung của xã hội. Theo đó việc giải quyết vấn đề tiền lương trong khu vực nhà nước còn có tác dụng định hướng chung cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và như vậy cần phải xây dựng và hoàn thiện chính sách tiền lương:

Tiền lương phải thực sự trở thành giá cả của sức lao động

Hiện nay ở Việt Nam thị trường lao động đang ngày càng phát triển, cung vượt quá cầu, sức lao động cũng trở thành hàng hoá, người lao động có quyền tự do lựa chọn nơi làm việc đáp ứng nhu cầu và khả năng của mình theo đúng hợp đồng lao động. Trong nền kinh tế thị trường tiền lương thực sự là giá cả của sức lao động, điều đó đòi hỏi phải tính đúng, tính đủ giá trị sức lao động để làm cơ sở cho việc xác định mức tiền lương. Muốn như vậy, mức lương cho người lao động phải thể hiện trình độ học vấn, tay nghề, quá trình lao động, lao động giản đơn hay phức tạp và quan trọng nhất là hiệu quả công việc của người đó. Mức lương đó phải đảm bảo thoả mãn nhu cầu tái mở rộng sản xuất sức lao động, đảm bảo cho người lao động sống đủ mà không cần phải lao động gì thêm (nếu họ muốn làm giàu thì buộc phải làm thêm nhiều việc). Chỉ trên cơ sở như vậy tiền lương mới khuyến khích mọi người lao động luôn luôn nâng cao trình độ học vấn, tay nghề phục vụ đắc lực cho công việc, khuyến khích thế hệ trẻ ra sức học tập để không ngừng nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất kinh doanh thích ứng với cơ chế thị trường. Qua đó từng bước nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

* Để tiền lương thực sự trở thành một đòn bẩy thúc đẩy người lao động làm việc với sức sáng tạo cao, trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương. Trong việc xác định tiền lương cần quán triệt các quan điểm sau đây:

+ Tiền lương phải đủ đảm bảo tái sản xuất mở rộng sức lao động, nó phải thực sự là bộ phận thu nhập chủ yếu của người lao động.

+ Tiền tệ hoá tiền lương một cách triệt để (xóa bỏ tận gốc các khoản bao cấp trong phân phối).

+ Mức lương phải gắn liền với trình độ phát triển kinh tế xã hội, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quan hệ cung cầu lao động, mức cống hiến của từng cá nhân, sự biến động của giá cả và lạm phát.

+ Cần chống chủ nghĩa bình quân trong việc trả công lao động.

* Để hoàn thiện giải quyết vấn đề tiền lương, cần tiếp tục xác định mức tiền lương tối thiểu.

+ Tiền lương tối thiểu ở đây cần được hiểu là *Tiền lương tối thiểu có bảo đảm* tức là một mức lương đảm bảo mức sống tối thiểu, nếu nhỏ hơn mức sống đó sẽ là thảm họa cho con người (theo A.Smith). Tuy nhiên, mức sống của người lao động phải phù hợp với yêu cầu và trình độ phát triển kinh tế xã hội. Mức lương tối thiểu đó phải đảm bảo tính toán đầy đủ các yếu tố cần thiết của quá trình tái sản xuất sức lao động (cả về sinh lý, nhân văn và các quan hệ xã hội).

+ Tiền lương tối thiểu phải đảm bảo tính thống nhất. Việc xác định và thực hiện tối thiểu thống nhất sẽ tạo điều kiện để giữa vững vai trò điều tiết của nhà nước và phát huy quyền tự chủ của các tổ chức kinh tế trong lĩnh vực lao động. Tiền lương tối thiểu thống nhất là công cụ cần thiết để đảm bảo giá trị sức lao động cho những người lao động không phân biệt đó là thành phần kinh tế nào.

+ Nhà nước cần sớm luật pháp hoá tiền lương tối thiểu nhằm ngăn ngừa và giải quyết những mâu thuẫn giữa giới chủ và giới thợ, buộc những người sử dụng lao động phải tìm cách khác để giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ cho những người làm công ăn lương. Việc luật pháp hoá tiền lương tối bao gồm việc xác định mức tiền lương cụ thể và phải điều chỉnh nó trong từng thời kỳ theo đà phát triển của sản xuất và mức tăng năng suất lao động, đồng thời cũng điều chỉnh trong từng thời gian những mức lương tối thiểu áp dụng cho từng vùng khác nhau.

* Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý phân phối tiền lương cho người lao động. Do nguồn tiền lương ở hệ thống trả lương khác nhau, nên sẽ có cơ chế quản lý phân phối nó khác nhau.

+ Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh cụ thể là các doanh nghiệp quốc doanh, nguồn tiền để chi trả không phải từ ngân sách, mà phải từ kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp này. Ngân sách nhà nước phải tiếp tục

thực hiện cắt hẳn những khoản chi bao cấp về tiền lương và thu nhập. Các doanh nghiệp này sau khi bù đắp các chi phí, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, tổng thu nhập của doanh nghiệp do doanh nghiệp toàn quyền sử dụng phân chia cho các quỹ xí nghiệp. Nhà nước cần thực hiện việc kiểm soát và điều tiết thu nhập của các doanh nghiệp cho hợp lý.

+ Trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp: Nhà nước trả lương phải dựa trên cơ sở biên chế nghiêm ngặt và tiếp tục thực hiện khoán quỹ lương. Cần khoán quỹ lương theo khối lượng và chất lượng công việc (khối lượng và chất lượng giờ giảng, đề tài nghiên cứu ...).

+ Thực hiện mạnh mẽ việc sàng lọc sa thải và thực hiện tuyển dụng lại theo quy chế mới với phương châm chú ý chất lượng, trình độ, hạn chế dàn số lượng, tiến tới tinh giảm bộ máy đến mức tối ưu.

+ Nhà nước cần có những chính sách riêng đối với các phát minh sáng chế để một mặt tăng thu cho ngân sách, mặt khác khuyến khích các hoạt động khoa học sáng tạo, không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, chất lượng và hiệu quả của công việc.

3.2.3. CÁC GIẢI PHÁP VỀ VẤN ĐỀ LỢI NHUẬN NHẪM GÓP PHẦN THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.2.3.1 Thực hiện nhất quán quan điểm kết hợp hài hoà các lợi ích kinh tế trong sự phát triển kinh tế

Một vấn đề đặt ra cho phân phối thu nhập là phân phối lợi ích kinh tế cho người lao động, tập thể và xã hội cần được giải quyết như thế nào cho công bằng so với sự đóng góp về lao động trong quá trình tạo ra lợi ích kinh tế. Một nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng và phát triển ngày càng cao hoàn toàn có điều kiện và khả năng thực tế để giải quyết tốt vấn đề phân phối các lợi ích kinh tế. Đến lượt mình việc giải quyết tốt các vấn đề phân phối lợi ích sẽ thúc đẩy phát triển. Các mối quan hệ cần được giải quyết tốt trong phân phối thu nhập, nhằm

tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, trong đó lợi ích kinh tế của người lao động và nhà sản xuất kinh doanh phải được đặc biệt coi trọng.

3.2.3.2 Đổi mới cơ chế hình thành và cơ chế phân phối lợi nhuận

* Về cơ chế hình thành lợi nhuận: Không nên xác định lợi nhuận bình quân theo cấu thành giá thành như trước đây. Tùy từng ngành, từng loại sản phẩm khác nhau nhà nước cần quy định, điều chỉnh lại tỷ lệ lợi nhuận định mức khác nhau. Nhà nước nên nâng tỷ lệ lợi nhuận định mức đối với những sản phẩm có giá trị nhỏ, giảm tỷ lệ lợi nhuận định mức đối với những mặt hàng có giá trị để giải quyết dần những bất bình đẳng trong việc thu và phân phối lợi nhuận trước đây.

Bên cạnh đó, nhà nước cần thông qua bộ máy quản lý thực hiện kiểm tra, kiểm kê kiểm soát để nắm chính xác các nguồn vốn của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó buộc các doanh nghiệp đi vào hoạt động có hiệu quả, sẵn sàng đóng cửa những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Còn đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhà nước cần quản lý thu nhập của họ, thực hiện quản lý chặt chẽ đối với quá trình sản xuất kinh doanh theo luật pháp đã ban hành. Việc quản lý đó phải bắt đầu từ khâu cấp giấy phép kinh doanh đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Thắt chặt trừng trị những ai trốn thuế, kinh doanh hàng cấm, làm hàng giả....

* Về cơ chế phân phối lợi nhuận:

Để khai thác tối ưu các tiềm năng ở các ngành, địa phương, các đơn vị cơ sở góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, điều quan trọng hàng đầu là phải tăng thu nhập cho người lao động, đây là động lực chủ yếu của sự phát triển. Nhà nước cần định hướng cho các doanh nghiệp chú trọng đầu tư theo chiều sâu, cần thay đổi tỷ lệ phân phối các quỹ cho phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ (tăng cường đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất) nhằm đảm bảo cho các doanh nghiệp đứng vững trong cạnh tranh thị trường.

3.2.4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUY ĐỘNG VỐN VÀ TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ CHO CÁC QUỸ PHÚC LỢI XÃ HỘI

Nhu cầu về vốn ngày nay được xem là nhu cầu quan trọng nhất trong việc mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Xác định được vai trò quan trọng đó nhà nước cần chú trọng, nâng cao hiệu quả của các chính sách huy động vốn trong và ngoài nước. Muốn như vậy nhà nước cần tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư. Cụ thể như cắt giảm những thủ tục hành chính rườm rà, có chính sách khuyến khích đối với các nhà đầu tư nước ngoài, bảo hộ cho những người lao động thủ công truyền thống Thêm vào đó là việc mở rộng cổ phần hoá ra toàn dân để huy động vốn trong dân, để cho hoạt động của mỗi người thực sự gắn liền với lợi ích của họ và không ngừng đổi mới các chính sách huy động vốn cho phù hợp trong điều kiện mới như tăng lợi tức, lợi tức cổ phần

Nhà nước cần thay đổi cơ cấu thu chi ngân sách . Cần giảm bớt chi đầu tư phát triển dưới dạng đầu tư vào các công trình sản xuất kinh doanh mà hãy để các doanh nghiệp tự làm, như vậy ngân sách nhà nước sẽ có đủ nguồn bảo đảm cho những cải cách về tiền lương. Nhà nước cần tăng cường đầu tư cho các quỹ phúc lợi xã hội để góp phần đáng kể vào thu nhập của người dân để một mặt vừa nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân, một mặt vừa tạo ra sự phân phối công bằng trong xã hội và góp phần giữ vững ổn định chính trị tạo đà cho phát triển lâu dài. Nếu nhà nước không đủ sức làm thì có thể huy động cả nhân dân cùng làm trên tinh thần tương thân tương ái, tự nguyện san sẻ miếng cơm manh áo cho những người khó khăn (đây cũng là một hoạt động rất thiết thực và có ý nghĩa trong năm 2003 vừa qua).

Trên đây là một số giải pháp cơ bản nhằm đảm bảo sự phân phối công bằng trong xã hội, khẳng định tính ưu việt của XHCN, tạo cơ sở, động lực cho sự phát triển và ổn định xã hội.

3.2.5. ĐỔI MỚI TRANG THIẾT BỊ SẢN XUẤT NHẪM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TẠO TIỀN ĐỀ PHÂN PHỐI CÔNG BẰNG

Một trong những yếu tố hết sức quan trọng và có tính chất quyết định đối việc tăng thu nhập cho người lao động là hệ thống cơ sở vật chất như máy móc,

công nghệ, quy mô, dây chuyền sản xuất... Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí SX, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường.

Vì vậy cần phải:

- Đầu tư vốn đổi mới tranh thiết bị, dây chuyền sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc, mở rộng quy mô SX nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Chủ động trong khâu vay vốn, có thể phát hành trái phiếu bán cho người lao động, vay ngân hàng thương mại, trích phần lớn lợi nhuận cho đầu tư tái SX, tập trung cho đổi mới công nghệ máy móc. Chỉ trên cơ sở máy móc hiện đại, mới có thể giảm chi phí SX, nâng cao năng suất lao động, lúc đó mới có nhiều lợi nhuận phân phối cho người lao động.

3.2.6. NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, GẮN VỚI TĂNG THU NHẬP CHO LAO ĐỘNG PHỨC TẠP

- Người lao động là yếu tố quyết định nhất đối với sự phát triển của xã hội. Đầu tư cho con người là đầu tư cho sự phát triển bền vững. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước cần có chủ trương, chính sách hỗ trợ người lao động được đi học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề. Chỉ bằng cách đó mới có thể vận hành được máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại.

- Người lao động có trình độ kỹ thuật cao, làm việc hiệu quả cần được đãi ngộ xứng đáng. Mức lương của họ phải được tính bằng lao động phức tạp, tức phải cao hơn so với người lao động làm công việc bình thường, không qua đào tạo.

- Khi nhận người lao động, chúng ta cần có quy chế thi, xét tuyển kỹ lưỡng, để chọn được người thật sự có năng lực và sắp xếp công việc đúng chuyên môn, đúng sở trường để người lao động phát huy hết khả năng của mình.

- Cần áp dụng cơ chế tuyển dụng hợp đồng giám đốc và những vị trí quản lý chủ chốt thay cho cơ chế bổ nhiệm mà lâu nay ta vẫn duy trì. Cơ chế thi tuyển hợp đồng giám đốc hay những vị trí quản lý chủ chốt sẽ gạt bỏ những người quản lý yếu, thu hút được người thật sự có năng lực trong việc tổ chức và quản lý.

Chẳng hạn như Chính phủ Trung Quốc đã chủ trương thuê chuyên gia có kinh nghiệm quản lý giỏi ở nước ngoài về làm giám đốc các DNNN của Trung Quốc để đưa DNNN phát triển. Cụ thể năm 2009, Trung Quốc đã tuyển dụng nhân sự nước ngoài ở cấp chuyên gia vào làm việc cho DNNN được 113 chuyên gia.

Cho nên cần hết sức coi trọng đội ngũ giám đốc, xem đó như một nghề, có vai trò cực kỳ quan trọng vào sự phát triển kinh tế.

3.2.7. Củng cố công tác định mức lao động

Định mức lao động là cơ sở để xây dựng đơn giá tiền lương và trả lương gắn với năng suất chất lượng và hiệu quả công việc của mỗi người. Định mức lao động là yêu cầu bắt buộc làm cơ sở cho việc xác định tiền lương theo sản phẩm, lương khoán trong các DN vì nó xác định đúng số lượng và chất lượng đã hao phí. Qua định mức lao động mà phân biệt kết quả lao động của các thành viên trong DN để tiến hành phân phối một cách hợp lý, công bằng. Vì thế, việc tính toán định mức lao động cho từng vị trí công việc là không thể thiếu đối với các DN.

Trong thời gian tới, để công tác định mức lao động được xác định đúng đắn, cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Củng cố bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác định mức lao động, công tác tiền lương vững về trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Phải có định mức lao động tổng hợp với chất lượng cao nhằm bảo đảm yêu cầu cho việc giao khoán đơn giá tiền lương.

- Xây dựng định mức lao động phải thể hiện được mức trung bình của xã hội trong việc SX một đơn vị sản phẩm, dịch vụ. Khuyến khích việc cải tiến thao tác lao động nhằm giảm chi phí nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Định mức lao động phải đảm bảo lợi ích giữa DN với người lao động.

- Khi thay đổi kỹ thuật, công nghệ SXKD, phải điều chỉnh lại định mức lao động cho phù hợp.

- Khi xây dựng định mức lao động tổng hợp, DN đồng thời phải xác định mức độ phức tạp lao động và cấp bậc công việc bình quân theo phương pháp gia quyền.

- Nếu định mức lao động thực tế thực hiện nhỏ hơn 95% mức lao động được giao thì phải xem xét, điều chỉnh giảm định mức được giao. Nếu mức lao động thực tế thực hiện cao hơn 120% mức lao động được giao thì phải xem xét, điều chỉnh tăng định mức được giao.

3.2.8. ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG TRONG PHÂN PHỐI LẠI THU NHẬP CÁ NHÂN

Để thực hiện phân phối lại, điều tiết thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội đảm bảo công bằng xã hội, tạo động lực cho sự phát triển của xã hội, trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp sau:

- *Hoàn thiện chính sách thuế thu nhập cá nhân*

+ Luật thuế thu nhập cá nhân đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Từ khi Luật thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực và đi vào thực tiễn nó đã phát huy tính tích cực hơn so với Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Tuy nhiên, thực trạng thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân trong xã hội còn bất cập. Nguyên nhân chính là do công tác quản lý còn lỏng lẻo nên ngân sách nhà nước không thu được nhiều từ nguồn đóng góp của những người lao động có thu nhập cao.

+ Cần kiểm soát chặt chẽ thu nhập của người lao động trên cơ sở áp dụng chế độ kiểm toán DN. Bên cạnh đó, mọi thu nhập của các cá nhân đều được quản lý và kê khai đầy đủ, kể cả thu nhập từ lợi tức cổ phần, tiền lãi cho DN vay vốn SXKD, lợi tức cho thuê tài sản, tiền thưởng nhằm bảo đảm thu thuế đủ, đúng, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước để thực hiện phúc lợi chung.

+ Cùng với việc kiểm soát, quản lý tốt các khoản thu nhập chịu thuế, đối tượng nộp thuế, cần tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp dân cư về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân. Áp dụng các biện pháp thưởng, phạt, giáo dục hành chính để tăng cường tính tự giác chấp hành của mỗi cá nhân.

- Làm tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động

+ Cùng với việc thực hiện tốt Luật thuế thu nhập cá nhân, cần phải tăng thu nhập cho người lao động trong có thu nhập thấp. Một trong những giải pháp để tăng thu nhập cho người lao động hiện nay là tạo việc làm đầy đủ và ổn định.

+ Hiện nay, người lao động không có việc làm thường xuyên, điều này dẫn đến kết quả là số người này chỉ làm khoảng 15 đến 20 ngày trong một tháng. Hệ quả là thu nhập của số người này thấp, không đảm bảo tái SX sức lao động. Một số DN khi chuyển sang cổ phần hóa, thay đổi trang thiết bị máy móc, số lao động dư thừa hoặc nhiều người lao động đã không có trình độ đáp ứng đã cho nghỉ hoặc làm các công việc phụ để chờ về hưu. Số người lao động này đã gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống.

+ Vì vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần chủ động định hướng SXKD phù hợp với yêu cầu của thị trường, mở mang thêm nhiều ngành nghề mới từ đó tạo việc làm cho người lao động. Nhà nước cần tăng cường mở rộng Quỹ giải quyết việc làm trên cơ sở trợ giúp tài chính từ ngân sách nhà nước, và ủng hộ của các tổ chức trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ về vốn cho các DN có nhu cầu bức thiết về vốn để mở rộng quy mô SX, đổi mới trang thiết bị, tăng sức cạnh tranh hoặc cho người lao động trong các DN đào tạo lại tay nghề, nghề mới để công nhân có cơ hội tìm việc làm, tự tạo việc làm. Kinh phí đào tạo lại do DN có người thiếu việc làm và Nhà nước trợ giúp. Kinh nghiệm ở một số nước, cũng như ở Trung Quốc đã chỉ rõ việc phát triển mạnh mẽ các trung tâm xúc tiến việc làm, dạy nghề, đào tạo lao động có kỹ thuật cao không những giải quyết được lao động dôi dư mà còn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về chất xám.

- Hoàn thiện chính sách xã hội

+ Việc thực hiện chính sách xã hội, nhất là bảo hiểm xã hội còn nhiều mặt hạn chế. Mặc dù Luật Bảo hiểm xã hội đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2006, nhưng vẫn còn nhiều DN vi phạm quyền lợi của người lao động, như nộp chậm hoặc trốn nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động. Để khắc phục tình trạng này, trong thời gian tới cần thực hiện tốt việc tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và quy định những chế tài xử lý

vi phạm cao hơn đối với việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo các quyền lợi cho người lao động.

+ Một số DNNN nộp chậm bảo hiểm xã hội có bị phạt nhưng theo chế độ quá nhẹ nên không đủ răn đe việc nộp chậm hoặc trốn nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động. Vì vậy, cần đưa ra chế tài xử phạt cao hơn đủ để răn đe các DN vi phạm quyền lợi của người lao động.

Tóm lại

Để các hình thức phân phối thu nhập cho cá nhân người lao động tạo được sự công bằng và trở thành động lực thúc đẩy xã hội phát triển trong thời gian tới cần dựa trên các quan điểm cơ bản của Đảng ta đối với phân phối tiền lương, lợi nhuận, lợi tức và phân phối lại thu nhập. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện quá trình phân phối đó bao gồm đổi mới trang thiết bị, dây chuyền SX, nâng cao năng suất lao động tạo tiền đề phân phối công bằng; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động trên cơ sở tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho lao động phức tạp; phân phối tiền lương hợp lý, gắn với thị trường và hiệu quả SXKD; củng cố công tác định mức lao động; phân phối lợi nhuận, lợi tức trên cơ sở tạo được động lực phát triển bền vững; đảm bảo công bằng xã hội trong phân phối lại thu nhập cá nhân.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày thực trạng của quan hệ phân phối ở nước ta trong thời gian qua.
2. Phân tích những giải pháp nhằm hoàn thiện quan hệ phân phối ở nước ta trong thời gian tới.
3. Theo các anh (chị) giải pháp nào quan trọng nhất trong việc hoàn thiện quan hệ phân phối trong giai đoạn hiện nay. Vì sao?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình KTCT Mác - Lênin
2. Đảng cộng sản Việt Nam (1991): *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản sự thật, Hà Nội.
3. *Tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập*, Nhà xuất bản KH – XH, Hà Nội, 1993
4. Lý Bân (1999), *Lý luận chung về phân phối của CNXH*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, J.Stalin (2004), *Bàn về phân phối*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

